

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG



(Giấy chứng nhận ĐKKD: Số 2200107297 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 23/12/2009; Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 29/12/2017)

Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Điện thoại : (0299) 3820 943 **Fax:** (0299) 3821 278

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên : Ông Đặng Văn Ngo

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Số điện thoại : (0299) 3820 943

Số fax : (0299) 3821 278

Sóc Trăng, tháng 06/2018



MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	2
1. Rủi ro kinh tế.....	2
2. Rủi ro về luật pháp	4
3. Rủi ro đặc thù ngành.....	5
4. Rủi ro khác	5
II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	6
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	6
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	9
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông của Công ty.	12
4. Danh sách Công ty mẹ, Công ty con, Công ty liên kết và các công ty mà SOCTRAWACO đang nắm quyền chi phối.....	13
5. Hoạt động kinh doanh của Công ty	14
6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh các năm gần đây.....	18
7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành	21
8. Chính sách đối với người lao động.....	22
9. Chính sách cổ tức	23
10. Tình hình hoạt động tài chính.....	24
11. Tình hình tài sản của Công ty.....	30
12. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo.....	33
13. Chiến lược, định hướng phát triển hoạt động kinh doanh.....	34
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch	35
15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu đăng ký giao dịch	35
III. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	36
1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị.....	36
2. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Ban kiểm soát	42
3. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Ban điều hành.....	45
4. Kế toán trưởng.....	47
5. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty	48
III. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM	49

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

Rủi ro về biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng.

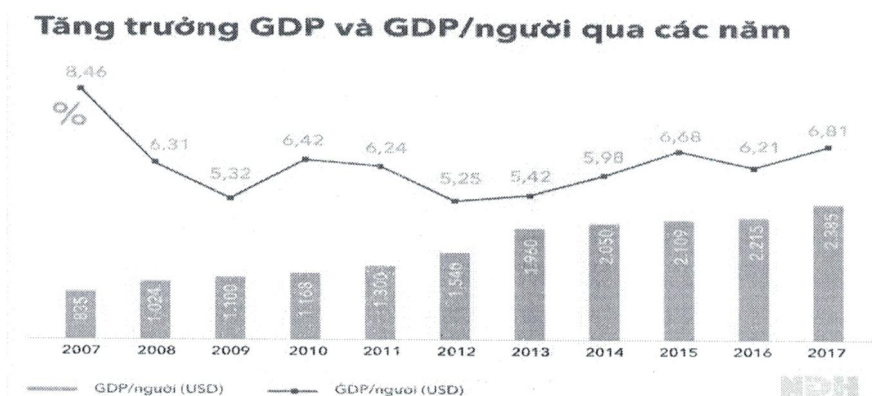
1.1. Rủi ro về tốc độ tăng trưởng kinh tế

Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) từ năm 2007, do đó những biến động của kinh tế toàn cầu sẽ có ảnh hưởng đến nền kinh tế Việt Nam.

Năm 2016, kinh tế Việt Nam phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, tuy nhiên cũng ASEAN đã mở ra những cơ hội lớn cho tất cả các doanh nghiệp trong nước được mở rộng thị trường sang các nước lớn. Đi cùng với đó cũng là một thách thức lớn khi các doanh nghiệp trong nước phải đối mặt với nhiều sản phẩm nước ngoài vào thị trường Việt Nam với giá thành rẻ và chất lượng tốt hơn. Nếu nắm bắt được tình hình, Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng sẽ có nhiều cơ hội mở rộng thị trường về ngành tư vấn và đầu tư xây dựng kinh doanh bất động đã đạt được nhiều những thành công nhất định. Tăng trưởng GDP năm 2016 đạt 6,21%, kinh tế vĩ mô được ổn định, lạm phát được kiểm soát. Tổng thu NSNN cả năm tăng 2,4%; bội chi giữ bằng mức Quốc hội thông qua (theo giá trị tuyệt đối). Huy động vốn cho đầu tư phát triển được đẩy mạnh. Trong năm 2016, vốn FDI thực hiện tăng 12,4%; vốn ODA và vay ưu đãi giải ngân đạt khoảng 2,7 tỷ USD. Mức vốn hóa thị trường chứng khoán đạt 63% GDP, cao nhất từ trước đến nay; vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài tăng mạnh. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội cả năm đạt 32,5% GDP (kế hoạch là 31,5%).

Năm 2017 khép lại với thắng lợi của nền kinh tế Việt Nam trên phương diện tăng trưởng. Tốc độ tăng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đạt 6,81%, cao hơn mục tiêu 6,7%. Chỉ số 6,81% của GDP cũng là mức tăng trưởng cao nhất trong vòng một thập kỷ trở lại đây. Không những vậy, thu nhập bình quân đầu người (GDP/người) cũng được cải thiện đáng kể với con số 2.385 USD/người, tăng 170 USD so với năm trước.

Trong các năm qua, Việt Nam đã ký kết thành công một loạt hiệp định song phương và đa phương như FTA, TPP và thành công trong việc xây dựng cộng đồng kinh tế trong khu vực.



Nguồn: Tổng cục thống kê

Sản phẩm chính của Công ty là Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch. Đây là mặt hàng khá đặc thù ít chịu ảnh hưởng khi nền kinh tế gặp khó khăn nhưng lại tăng trưởng nhanh khi nền kinh tế khởi sắc và tốc độ đô thị hóa cao. Do vậy, với những thuận lợi về kinh tế vĩ mô và chính sách Nhà nước trong các năm tới chắc chắn sẽ có những ảnh hưởng tích cực, thúc đẩy dự phát triển riêng của ngành cấp nước nói chung. Từ đó sẽ tạo động lực cho hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

1.2. Rủi ro lạm phát

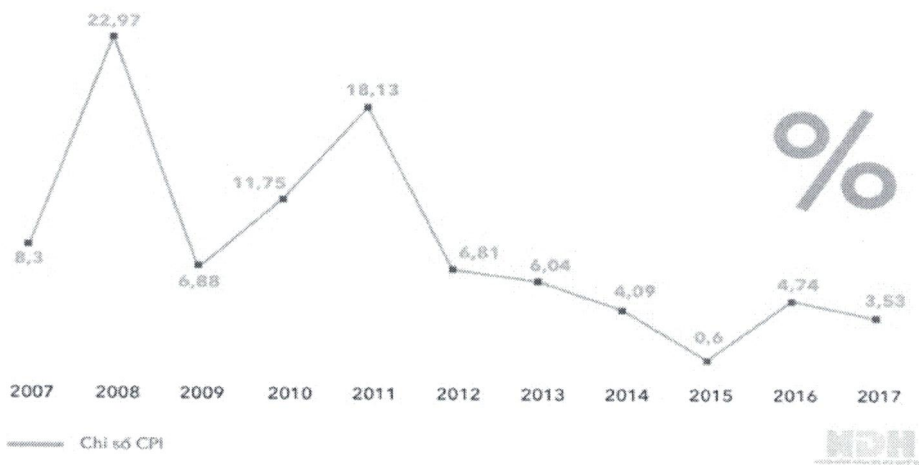
Nền kinh tế của Việt Nam luôn phải đối mặt với tình trạng khó khăn phải lựa chọn giữa mục tiêu lạm phát và tăng trưởng kinh tế. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong năm 2016, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cả năm tăng 4,74%, thấp hơn mục tiêu đề ra là 5%, trong đó, tháng 12/2016 tăng 0,11% so với tháng trước, tăng 1,87% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu do yếu tố thị trường có mức tăng cao, đó là giá lương thực thực phẩm, giá xăng dầu và yếu tố điều hành giá cả qua việc điều chỉnh tăng giá dịch vụ y tế và giáo dục.

Tổng cục Thống kê cho biết, CPI bình quân năm 2017 tăng 3,53% so với năm 2016 và tăng 2,6% so với tháng 12 năm 2016. Như vậy, mục tiêu kiểm soát lạm phát, giữ mức CPI bình quân năm 2017 dưới 4% đã đạt được trong bối cảnh điều chỉnh được gần hết giá các mặt hàng do nhà nước quản lý đặt ra trong năm 2017. Có thể thấy, bình quân năm 2017 so với năm 2016, lạm phát chung có mức tăng cao hơn lạm phát cơ bản, điều này phản ánh biến động giá do yếu tố thị trường có mức tăng cao, đó là giá lương thực thực phẩm, giá xăng dầu và yếu tố điều hành giá cả qua việc điều chỉnh tăng giá dịch vụ y tế và giáo dục.

Có một số yếu tố góp phần kiềm chế tốc độ tăng CPI năm nay như chỉ số giá nhóm thực phẩm bình quân năm giảm 2,6% so với năm 2016 (chủ yếu giảm ở nhóm thịt tươi sống). Ngân hàng Nhà nước đã điều hành chính sách tiền tệ kiên định mục tiêu giữ ổn định vĩ mô và kiểm soát lạm phát.

Bình quân năm 2017 lạm phát cơ bản là 1,41% thấp hơn mức kế hoạch 1,6%-1,8%, cho thấy chính sách tiền tệ vẫn đang được điều hành ổn định, Tổng cục Thống kê nhận định.

Chỉ số CPI qua các năm



Nguồn: Tổng cục thống kê

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có ảnh hưởng đến mọi chủ thể trong nền kinh tế. Lạm phát tăng cao sẽ kéo theo sự gia tăng của nguyên nhiên vật liệu đầu vào, chi phí sản xuất, quản lý, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của các doanh nghiệp.

Tỷ lệ lạm phát nếu được duy trì ở mức thấp sẽ tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, giúp Công ty kiểm soát được giá cả chi phí các yếu tố đầu vào, đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định.

1.3. Rủi ro lãi suất

Bên cạnh yếu tố lạm phát, lãi suất cũng là một chỉ số tài chính vô cùng quan trọng mà công ty phải luôn theo dõi và cập nhật thường xuyên nhằm đưa ra các chiến lược kinh doanh và đầu tư hợp lý.

Trong năm 2017, NHNN áp dụng mục tiêu kiểm soát lạm phát (dưới 5%), ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế hợp lý, đảm bảo an toàn hệ thống. Theo đó, mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến đối với các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6-7%/năm đối với ngắn hạn, các NHTM cổ phần tiếp tục áp dụng lãi suất cho vay trung và dài hạn phổ biến đối với các lĩnh vực ưu tiên ở mức 9-10%/năm. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8-9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3-11%/năm đối với trung và dài hạn. NHNN luôn theo dõi sát sao diễn biến của nền kinh tế trong nước để điều hành lãi suất chủ động, linh hoạt để điều tiết lãi suất thị trường ở mức hợp lý, góp phần ổn định thị trường tiền tệ và hoạt động ngân hàng.

Trong thời gian tới, để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đạt mục tiêu tăng trưởng trong thời gian tới, Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng có thể sẽ sử dụng nguồn vốn vay từ phía các ngân hàng. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào của Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại về chính sách tiền tệ, lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc lãi suất cho vay của Ngân hàng có xu hướng gia tăng trong thời gian tới ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch kinh doanh cũng như tác động mạnh đến doanh thu và chi phí hoạt động tài chính.

2. Rủi ro về luật pháp

Hệ thống luật pháp Việt Nam hiện nay vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện, việc vận dụng pháp luật vào thực tế hoạt động kinh doanh còn khó khăn, không kịp thời và thiếu nhất quán; vẫn còn tồn tại nhiều quy định phức tạp, chồng chéo nhau trong hệ thống văn bản pháp quy nói chung. Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau như luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Thương mại... Theo dự kiến, các sắc luật này vẫn cần có sự sửa đổi cho phù hợp hơn, chặt chẽ hơn trong thời gian tới, do đó cũng phần nào tác động hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, có thể thấy được mặt tích cực từ những thay đổi này đó là tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn.

Là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước được chuyển đổi hoạt động theo loại hình Công ty cổ phần, hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến cổ phần hóa, Luật doanh nghiệp, luật thuế, quy định về Công ty cổ phần...Tuy nhiên, do hệ thống luật pháp đang trong giai đoạn hoàn thiện nên tính ổn định cũng chưa cao nên sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra, điều đó có khả năng ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của doanh nghiệp.

Rủi ro pháp lý liên quan đến các thay đổi, bổ sung các chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý đất đai, bảo vệ môi trường, hay luật thuế. Những thay đổi trong chính sách quản lý, điều hành từ các cơ quan chủ quản sẽ tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù ngành

3.1. Rủi ro về tỷ lệ thất thoát nước

Tỷ lệ thất thoát nước luôn là một trong những quan tâm hàng đầu của các Công ty cung cấp nước sạch vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Việc thất thoát nước có thể xảy ra do hệ thống đường ống nước gặp trục trặc hoặc do các tổ chức, cá nhân thi công công trình làm bể đường ống cấp nước. Nguy cơ này làm cho việc cung cấp nước không được liên tục, lưu lượng, áp lực và chất lượng nước không được đảm bảo. Điều đó đòi hỏi Công ty phải có những biện pháp quản lý chặt chẽ, áp dụng các công nghệ kỹ thuật tiên tiến vào hoạt động sửa chữa, nâng cấp đường ống cấp nước. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ hiện đại, chủ động xây dựng lộ trình giảm tỉ lệ thất thoát nước với các giải pháp cụ thể. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện việc siết chặt quản lý cán bộ nhân viên và các cá nhân, tổ chức liên quan trong quá trình đưa nước vào sử dụng, đảm bảo duy trì tỷ lệ thất thoát nước ở mức thấp nhất.

3.2. Rủi ro biến động giá cả

Đặc thù của ngành cấp nước là ngành dịch vụ công cộng chịu sự kiểm soát chặt chẽ của Nhà nước. Các doanh nghiệp hoạt động trong ngành này cần phải tuân thủ các quy định của pháp luật về khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch. Hơn nữa, Nhà nước luôn ấn định giá bán nước để hài hòa lợi ích của doanh nghiệp và đối tượng sử dụng. Để đảm bảo lợi ích chung, Nhà nước ban hành các khung giá nước áp dụng cho các khu vực và đối tượng khác nhau. Chính vì thế, giá bán nước áp dụng đôi khi chưa được điều chỉnh kịp thời so với tình hình giá cả thị trường, từ đó có thể giảm tính linh hoạt trong cơ chế hoạt động của Công ty, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả trong sản xuất kinh doanh của Công ty.

3.3. Rủi ro về việc quản lý chất lượng nước

Hiện tượng ngập mặn tại địa bàn ngày càng trở nên trầm trọng đã ảnh hưởng đến nguồn cung cấp nước của Công ty, làm cho chi phí sản xuất tăng cao trong xử lý cũng như tìm kiếm các nguồn nước khác để thay thế.

4. Rủi ro khác

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (*bão, lụt, hạn hán,*



dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hỏa hoạn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng

II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung

- Tên tiếng việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG**
- Tên tiếng Anh: **SOCTRANG WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **SOCTRANGWACO**
- Trụ sở chính: **Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng**
- Điện thoại: **(0299) 3820 943** Fax: **(0299) 3821 278**
- Email: **info@soctrangwaco.vn**
- Giấy CNĐKKD số 2200107297 do Sở KH-ĐT tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 23/12/2009; Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 29 tháng 12 năm 2017.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch.
- Vốn điều lệ đăng ký: **158.631.330.000 đồng** (Một trăm năm mươi tám tỷ, sáu trăm ba mươi một triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng).
- Vốn điều lệ thực góp: **158.631.330.000 đồng** (Một trăm năm mươi tám tỷ, sáu trăm ba mươi một triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng).
- Ngày trở thành Công ty đại chúng: **13/03/2018**
- **Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:**
Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch.

1.2. Quá trình hình thành, phát triển

- Nhà máy nước Sóc Trăng được thành lập vào năm 1964 (tên gọi là Công quản Nhà máy nước Khánh Hưng), công suất ban đầu là 3.000m³/ngđ từ nguồn nước mặt của kênh Ô Ven qua Chợ Vũng Thơm vào Hồ Nước Ngọt được quản lý và điều hành bởi một Hội đồng Công quản.
- Đến năm 1968, hình thành thêm hai Nhà máy nước Mỹ Xuyên và Phú Tâm cung cấp vòi nước công cộng và chủ yếu vận hành bơm nước bằng máy nổ.
- Năm 1972, đổi tên là Trung tâm Cấp thủy trực thuộc Quốc gia sản cấp Thủy cục do Bộ Công Chánh chế độ Sài Gòn cũ quản lý.
- Đến năm 1992, Nghị quyết Quốc Hội chia Hậu Giang thành 2 tỉnh Cần Thơ và Sóc Trăng. Từ Xí nghiệp Cấp nước, được UBND Tỉnh Sóc Trăng quyết định nâng lên thành Công Ty Cấp nước tỉnh Sóc Trăng. Bước đầu mới thành lập gồm có Nhà máy nước Thị xã công suất 8.000m³/ngđ và 03 Chi nhánh huyện trực thuộc Mỹ Xuyên, Thạnh Trị và

Vĩnh Châu với tổng số vốn ban đầu là một tỷ tám trăm triệu đồng, tổng số hộ được cấp nước là 4.350 hộ.

- Căn cứ Quyết định số 560/QĐTC-CTUBND ngày 18/12/2009 của Chủ tịch Ủy Ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng, kể từ ngày 01/01/2010, Công ty Cấp nước Sóc Trăng được chuyển thành Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Sóc Trăng trực thuộc UBND Tỉnh, do nhà nước sở hữu 100% vốn. Thực hiện chức năng và phạm vi hoạt động chủ yếu như sau: Khai thác, sản xuất, kinh doanh nước sạch, đầu tư xây dựng các dự án cấp nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân ở các địa bàn thành phố, thị trấn, các khu vực tập trung dân cư và những yêu cầu sử dụng nước cho hoạt động sản xuất - kinh doanh của mọi đối tượng khách hàng theo chính sách giá do Nhà nước quy định.
- Công ty Cổ phần Cấp Nước Sóc Trăng được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng theo Quyết định số 1504/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Thực hiện chức năng và phạm vi hoạt động chủ yếu là khai thác, sản xuất, kinh doanh nước sạch, nước uống đóng chai, đầu tư xây dựng các dự án cấp nước đáp ứng yêu cầu sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt và các hoạt động sản xuất, kinh doanh theo chính sách giá do Nhà nước quy định.
- Ngày 31/07/2017, Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng đã phối hợp với Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tổ chức thành công cuộc đấu giá bán cổ phần lần đầu ra công chúng với số lượng cổ phần bán đấu giá công khai là 965.713 cổ phần. Toàn bộ số cổ phần chào bán đều bán thành công với giá đấu thành công bình quân là 10.005 đồng/1 cổ phần;
- Ngày 28/12/2017, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng;
- Ngày 29/12/2017, CTCP Cấp nước Sóc Trăng chính thức hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200107297 đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 29/12/2017, với mức vốn điều lệ là 158.631.330.000 đồng.
- Ngày 13/03/2018, Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được UBCKNN chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng theo công văn số 1463/UBCKNN-GSĐC;
- Ngày, Công ty được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số/GCNCP-VSD, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 15.863.133 cổ phiếu

1.3. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Mã chứng khoán: STW
- Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 15.863.133 cổ phiếu

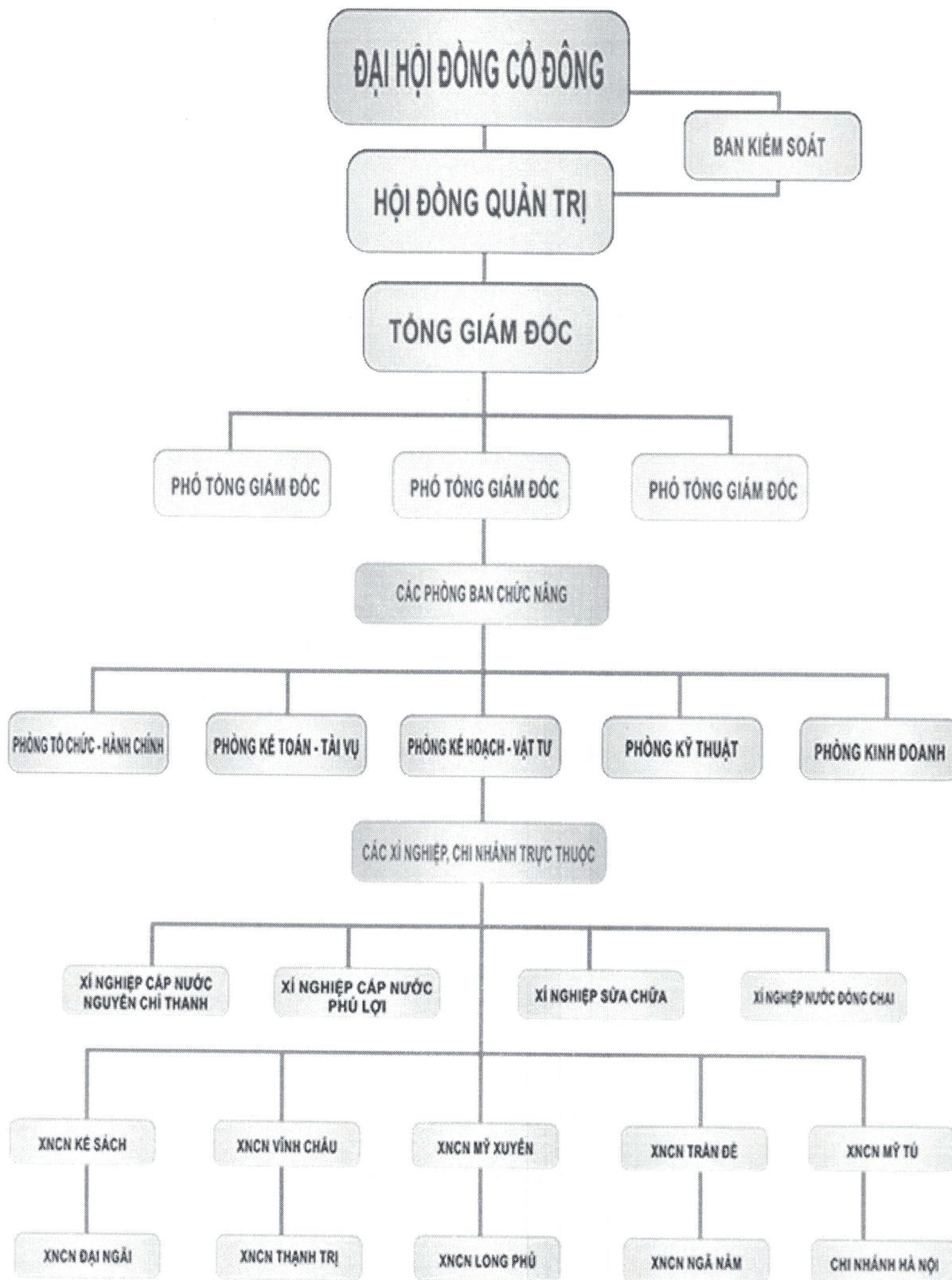
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ chức đăng ký giao dịch: 6.485.985 cổ phần
- Đây là số lượng cổ phần phổ thông hạn chế chuyển nhượng thuộc sở hữu của cổ đông chiến lược (Công ty Cổ phần HAWACO), tổ chức Công đoàn Công ty và Người lao động trong Công ty tham gia mua cổ phiếu theo diện cam kết làm việc lâu dài khi Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng thực hiện việc cổ phần hóa. Theo quy định của Pháp luật hiện hành, số lượng cổ phần của cổ đông chiến lược (6.345.253 cổ phần) sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 5 năm (từ ngày 29/12/2017 đến ngày 29/12/2022); số lượng cổ phần của tổ chức Công đoàn mua theo diện ưu đãi (7.932 cổ phần) bị hạn chế không được chuyển nhượng; số lượng cổ phần của người lao động trong công ty mua theo diện cam kết làm việc lâu dài (132.800 cổ phần) sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn cam kết tương ứng với số cổ phần đã đăng ký mua của mỗi cán bộ công nhân viên kể từ ngày Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần (ngày 29/12/2017) và được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông tự do chuyển nhượng sau khi kết thúc thời gian cam kết.
- Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tại công ty sẽ tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 18/8/2015 của Bộ tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam cùng các văn bản pháp luật có liên quan.
 - + Tại thời điểm ngày 09/03/2018, số lượng và tỷ lệ nắm giữ cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0 cổ phần.

1.4. Quá trình tăng vốn điều lệ

Kể từ thời điểm bắt đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần (29/12/2017) đến nay Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng hoạt động ổn định với số vốn điều lệ là **158.631.330.000 đồng** và không thực hiện tăng vốn điều lệ.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

2.1. Sơ đồ tổ chức



Nguồn: Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng

2.2. Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban chuyên môn

a. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định các vấn đề về tổ chức hoạt động, sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển, bổ sung sửa đổi Điều lệ của Công ty... theo quy định tại Điều lệ. Đại hội cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) của Công ty.

b. Hội đồng quản trị

Gồm 5 thành viên. Đây là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc (TGD) điều hành và những người khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

c. Ban Kiểm soát

Gồm 3 thành viên. Đây là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, hoạt động độc lập với HĐQT và Ban TGD. BKS có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính của Công ty.

d. Ban Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc là người đại diện Công ty trong việc điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. TGD do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm. TGD chịu trách nhiệm trước HĐQT và pháp luật về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám Đốc điều hành mọi hoạt động của Công ty trong các lĩnh vực theo sự phân công và ủy quyền của TGD, chịu trách nhiệm trước TGD và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

đ. Các Phòng chức năng và đơn vị hạch toán phụ thuộc

Do HĐQT thành lập trên cơ sở đề nghị của TGD, các phòng chịu trách nhiệm thực hiện và tham mưu cho TGD điều hành các công việc thuộc phạm vi chức năng của Phòng, đồng thời chịu trách nhiệm đối với các đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện mục tiêu và chiến lược chung của Công ty.

▪ **Phòng Tổ chức Hành chính:** Tham mưu cho Tổng Giám đốc về tổ chức bộ máy hoạt động và quy hoạch, bố trí nhân sự phù hợp với yêu cầu phát triển. Tham mưu pháp chế các hoạt động của công ty, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc hoạt động đúng pháp luật. Quản lý hồ sơ lý lịch, thực hiện thủ tục về chế độ tuyển dụng, thôi việc, bổ nhiệm, bãi miễn, kỷ luật, khen thưởng, nghỉ hưu v.v... theo quyết định của Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc. Xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, thi tay nghề cho cán bộ, nhân viên và công nhân toàn Công ty. Quản lý lao động, tiền lương, cùng với Phòng Kế toán xây dựng tổng quỹ tiền lương và xét duyệt phân bổ quỹ tiền lương. Quản lý công văn, giấy tờ, sổ sách hành chính và con dấu. Thực hiện công tác lưu trữ các tài liệu của công ty. Quản lý hệ thống công nghệ thông tin, tham mưu ứng dụng trong quản lý. Quản lý điều động xe công vụ của công ty.

▪ **Phòng Kế toán - Tài vụ:** Tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty trong lĩnh vực quản lý tài chính, tổ chức công tác thống kê, kế toán, thực hiện những công việc về nhiệm vụ chuyên môn kế toán tài chính theo đúng các Chuẩn mực kế toán, Luật Kế toán, các Luật Thuế và các quy định nhà nước về quản lý tài chính trong công ty. Tham mưu trong việc sử dụng vốn, phân chia lợi nhuận, phân chia các nguồn quỹ. Phản ánh chính xác, kịp thời và có kế hoạch các nguồn vốn cấp, vốn vay; các loại vốn khác, đáp ứng kịp thời việc sử dụng vật tư, nguyên liệu, hàng hóa cho sản xuất - kinh doanh. Theo dõi công nợ, phản ánh và đề xuất kế hoạch thu, chi tiền mặt và các hình thức thanh toán khác. Tham mưu trong chỉ đạo các đơn vị thực hiện các chế độ quản lý tài chính, phối hợp với các phòng chuyên môn giúp Ban lãnh đạo Công ty giao kế hoạch, xét duyệt hoàn thành kế hoạch và quyết toán tài chính theo định kỳ.

▪ **Phòng Kế hoạch - Vật tư:** Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn, dài hạn của toàn Công ty. Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch hàng năm. Kiểm tra, tổng hợp kế hoạch sản xuất - kinh doanh. Phân tích dự đoán khả năng việc hoàn thành kế hoạch, tỷ lệ tăng trưởng hàng năm. Cùng với các phòng nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc xây dựng đồng bộ các mặt kế hoạch: Sử dụng vốn và tài vụ, vật tư - kho hàng, xây dựng cơ bản đầu tư mở rộng và cải tạo mạng lưới, nhà máy, lao động tiền lương. Quản lý hợp đồng kinh tế về hàng hóa - vật tư. Chất lượng mẫu mã hàng hóa vật tư khi nhập xuất kho.

▪ **Phòng Kỹ thuật:** Tham mưu trong công tác đầu tư xây dựng cơ bản, định mức tiêu chuẩn đúng theo quy định Nhà nước. Thiết kế kỹ thuật các công trình mở rộng cải tạo mạng lưới cấp nước của Công ty. Quản lý, kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện đúng quy trình kỹ thuật trong xây dựng, phát triển mở rộng mạng lưới. Quản lý, thống kê các số liệu theo dõi tình hình chống thất thoát, tham mưu xây dựng biện pháp chống thất thoát, thăm dò rò rỉ trên toàn mạng lưới cấp nước của thành phố và các đơn vị trực thuộc.

▪ **Phòng Kinh doanh:** Tham mưu về chính sách quản lý và chăm sóc khách hàng. Thống kê theo dõi tỷ lệ dân số sử dụng và chưa có nước sạch sử dụng hàng năm. Kết hợp Phòng Kế hoạch - Vật tư, Phòng Kỹ thuật theo dõi, báo cáo các tiêu chuẩn dùng nước của khách hàng. Xây dựng chương trình tiếp thị và nghiên cứu thị trường để nắm bắt nguyện vọng người tiêu dùng về nhu cầu sử dụng nước sạch. Chủ trì phối hợp với các phòng chức năng khảo sát đề xuất các khu vực cần khai thác mở rộng vào các cụm dân cư. Quản lý kiểm tra chống thất thu, hướng dẫn cụ thể cho các bộ phận trực thuộc trong công tác chống thất thu. Kết hợp với Phòng Kế toán lập báo cáo quyết toán doanh thu tiền nước định kỳ và cả năm. Quản lý phát hành hóa đơn tiền nước, quyết toán hóa đơn của các xí nghiệp. Theo dõi tình hình doanh thu và nợ tồn, có kế hoạch tham mưu trình Hội đồng duyệt, xử lý hóa đơn tồn.

▪ **Xí nghiệp nghiệp vụ:**

✓ **Xí nghiệp Sửa chữa:** Quản lý quy trình, quy phạm trong vận hành sửa chữa nhà máy, công nghệ. Xây dựng kế hoạch sửa chữa, xây lắp, bảo dưỡng, bảo trì định kỳ các nhà máy, giếng khoan, máy móc thiết bị công nghệ toàn Công ty. Thường xuyên kiểm tra để có kế hoạch sửa chữa đảm bảo ổn định sản xuất phục vụ 24/24. Tổ chức phối hợp hướng dẫn vận hành đối với các nhà máy nước tại các xí nghiệp địa phương. Tham mưu trong công tác điều phối sản xuất phù hợp với nhu cầu sử dụng và hiệu quả kinh doanh của công ty. Tổ chức đào

tạo chuyên môn nghiệp vụ cho công nhân các xí nghiệp cấp nước trực thuộc. Quản lý, kiểm tra các thiết bị vật tư, hóa chất, nhiên liệu để phục vụ cho sản xuất. Quản lý bộ phận xét nghiệm, thường xuyên theo dõi kiểm tra chất lượng nguồn nước cấp. Quản lý và điều hành sản xuất Nhà máy nước An Nghiệp.

✓ **Xí nghiệp Sản xuất nước uống đóng chai:** Xí nghiệp Sotracos là đơn vị đặc thù chuyên sản xuất và kinh doanh nước uống đóng chai. Hoạt động theo cơ chế hạch toán báo sổ, khoán doanh thu, chi phí hoạt động. Tổ chức tiếp thị, nghiên cứu thị trường, mở rộng tiêu thụ sản phẩm đến người tiêu dùng. Quản lý quy trình công nghệ sản xuất, tiêu chuẩn sản phẩm đúng theo quy định của nhà nước. Xây dựng quy chế hoạt động của xí nghiệp. Thực hiện chế độ báo cáo theo hệ thống nghiệp vụ các phòng nghiệp vụ. Tổ chức quản lý lao động, đề nghị khen thưởng kỷ luật của đơn vị.

✓ **Các Xí nghiệp cấp nước địa phương:** Các xí nghiệp cấp nước tại thành phố Sóc Trăng và các thị trấn, huyện, thị xã là đơn vị hạch toán báo sổ, các chi phí hoạt động theo tình hình thu chi thực tế của đơn vị trên mức khoán kinh phí của công ty. Xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động sản xuất, vận hành cung cấp nguồn nước phục vụ trên địa bàn phụ trách. Tiếp nhận giải quyết các yêu cầu liên quan đến việc sử dụng nước sạch của tổ chức và hộ gia đình trên địa bàn quản lý. Xây dựng quy chế hoạt động của xí nghiệp, thực hiện đúng theo hệ thống quản lý của công ty. Quản lý điều hành các tổ, đội nghiệp vụ trực thuộc. Tổ chức quản lý CB.CNV, đề nghị khen thưởng, kỷ luật CB.CNV của đơn vị.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông của Công ty.

3.1. Cơ cấu cổ đông của Công ty

Tính đến thời điểm ngày 09/03/2018, cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

Bảng 01: Cơ cấu cổ đông của Công ty

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ so vốn điều lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	168	15.863.133	158.631.330.000	100
1	Tổ chức	03	14.126.120	141.261.200.000	89,05
2	Cá nhân	165	1.737.013	17.370.130.000	10,95
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
1	Tổ chức	0	0	0	0
2	Cá nhân	0	0	0	0
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
Tổng cộng		168	15.863.133	158.631.330.000	100

(Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty chốt ngày 09/03/2018)

3.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 02: Cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại ngày 09/03/2017

TT	Họ và tên	CMND/Giấy CNDKKD	Thông tin cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ SH (%)
1	Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng		Số 1 Châu Văn Tiếp, Phường 2, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	7.772.935	77.729.350.000	49%
2	Công ty Cổ phần HAWACO (cổ đông chiến lược)	0101189376 do Sở KH-ĐT TP. Hà Nội cấp ngày 19/10/2007	Phòng 702, số 2 Ngô Quyền, tòa nhà Tung Sing, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	6.345.253	63.452.530.000	40%
3	Đỗ Chí Công	240682143; cấp ngày 26/12/2008; nơi cấp: Công an Đắk Lắk	B19-01 Harmona, 33 Trương Công Định, P14, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	1.216.613	12.166.130.000	7,67%
	Tổng cộng			15.334.801	153.348.010.000	96,67%

(Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty chốt ngày 09/03/2018)

3.3. Danh sách cổ đông sáng lập.

Công ty không có cổ đông sáng lập.

4. Danh sách Công ty mẹ, Công ty con, Công ty liên kết và các công ty mà SOCTRAWACO đang nắm quyền chi phối

- Công ty mẹ: Không có
- Công ty con: Không có
- Công ty liên kết:
 - Tên công ty: Công ty cổ phần Nước Sóc Trăng
 - Địa chỉ: Đường D4, KCN An Nghiệp, P7, thành Phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
 - Vốn điều lệ: 41.600.000 (Bốn mươi một tỷ sáu trăm triệu đồng)
 - Giấy chứng nhận ĐKKD số 2200680885, do Sở KH và ĐT tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 28/10/2013
 - Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước
 - Tỷ lệ cổ phần Cổ phần sở hữu tại CTCP Nước Sóc Trăng: 1.206.400 cổ phần chiếm 29% vốn điều lệ
 - Giá trị vốn góp (tính theo mệnh giá): 12.064.000.000 đồng.

5. Hoạt động kinh doanh của Công ty

5.1. Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu:

Với kinh nghiệm hơn 50 năm hoạt động trong lĩnh vực cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, Công ty có những lợi thế nhất định về khách hàng và kinh nghiệm bán hàng và cung cấp dịch vụ, đặc biệt là việc cung cấp nước sạch. Các sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu của Công ty như sau:

a. Cung cấp nước sạch

Hiện tại, công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng là doanh nghiệp do UBND tỉnh Sóc Trăng sở hữu 49% cổ phần và làm đại diện vốn chủ sở hữu. Công ty thực hiện chức năng và phạm vi hoạt động chủ yếu là khai thác, sản xuất, kinh doanh nước sạch, đầu tư xây dựng các dự án cấp nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân ở các địa bàn thành phố, thị trấn, các khu vực tập trung dân cư và những yêu cầu sử dụng nước cho hoạt động sản xuất – kinh doanh của mỗi đối tượng khách hàng theo sách giá do Nhà nước quy định.

b. Cung cấp nước uống

Nước uống đóng chai SOTRACO – Một sản phẩm chất lượng cao của công ty (kế thừa từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng). Nước uống đóng chai SOTRACO chính thức có mặt trên thị trường vào tháng 12/2010.

c. Các dịch vụ phụ trợ khác

Ngoài các nhiệm vụ chính là khai thác, sản xuất, kinh doanh nước sạch, Công ty còn đầu tư xây dựng dự án cấp nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của nhân dân ở các địa bàn thành phố, thị trấn, các khu vực tập trung dân cư.

5.2. Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Bảng 04: Cơ cấu doanh thu bán hàng của Công ty năm 2016 đến 2017

Đơn vị tính: đồng

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016 (CT TNHH)		Năm 2017				Quý I/2018 (CTCP)	
			Giai đoạn từ 01/01/2017 đến 28/12/2017 (CT TNHH)		Giai đoạn từ ngày 29/12/2017 đến 31/12/2017 (CTCP)			
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	118.214.295.055	100	130.102.334.984	100	-	-	32.997.233.214	100
Tổng cộng	118.214.295.055	100	130.102.334.984	100	-	-	32.997.233.214	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC kiểm toán từ ngày 01/01/2017 đến 28/12/2017)



của Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng, BCTC kiểm toán từ ngày 29/12/2017 đến ngày 31/12/2017 và BCTC Quý I/2018 của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng)

Bảng 04: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty các năm gần đây

Đơn vị tính: đồng

ĐƠN VỊ: TỶ VNĐ/ĐỒNG

Chỉ tiêu	Năm 2016 (CT TNHH)		Năm 2017				Quý I/2018 (CTCP)	
			Giai đoạn từ 01/01/2017 đến 28/12/2017 (CT TNHH)		Giai đoạn từ ngày 29/12/2017 đến 31/12/2017 (CTCP)			
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	54.144.375.962	45,80	65.264.534.781	50,16	(505.449.621)	-	7.601.807.460	23,04
Tổng cộng	54.144.375.962	45,80	65.264.534.781	50,16	(505.449.621)	-	7.601.807.460	23,04

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC kiểm toán từ ngày 01/01/2017 đến 28/12/2017 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng, BCTC kiểm toán từ ngày 29/12/2017 đến ngày 31/12/2017 và BCTC Quý I/2018 của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng)

5.3. Nguyên vật liệu

- Nguồn nguyên vật liệu**

Nguyên vật liệu chính liên quan đến quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty là nước đầu vào, điện chiếu sáng, các hóa chất xử lý nước và các vật liệu xây dựng phục vụ cho việc thi công, duy tu và bảo trì đường ống...

- Sự ổn định của các nguồn cung cấp nguyên vật liệu:**

Mối quan tâm hàng đầu của Công ty chính là chất lượng của nguồn nguyên vật liệu để đảm bảo chất lượng nước phát ra mạng lưới và chất lượng các công trình thi công.

Hiện tại, Công ty thực hiện tìm kiếm và ký kết hợp đồng cung cấp nguyên vật liệu với các nhà cung cấp có năng lực, uy tín, kinh nghiệm trên quan hệ cơ sở hợp tác lâu dài nhằm đáp ứng tốt nhất các yêu cầu của dự án thi công.

- Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đầu vào đến doanh thu, lợi nhuận:**

Bất kỳ sự biến động giá cả của các mặt hàng nguyên vật liệu này sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận và hiệu quả hoạt động của Công ty. Do đó, để giảm thiểu ảnh hưởng của biến động giá, ngoài việc duy trì nguồn cung ổn định của các đối tác truyền thống, Công ty còn chủ động kiểm soát chi phí bằng cách tính toán đến các yếu tố biến động giá, trượt giá ngay từ khi chuẩn bị thương thảo và ký kết hợp đồng với đối tác khách hàng.

5.4. Chi phí sản xuất kinh doanh

Chi phí hoạt động kinh doanh là vấn đề mà tất cả các doanh nghiệp phải quan tâm nhất trong quá trình hoạt động của mình. Cơ cấu chi phí kinh doanh của Công ty giai đoạn 2016 – 2017 như sau:

Bảng 06: Chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty các năm gần đây

Đơn vị tính: đồng

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016 (CT TNHH)		Năm 2017				Quý I/2018 (CTCP)	
			Từ 01/01/2017 đến 28/12/2017 (CT TNHH)		Từ 29/12/2017 đến 31/12/2017 (CTCP)			
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng / DTT (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng / DTT (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng / DTT (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng/ DTT (%)
Giá vốn hàng bán	64.069.919.093	54,20	64.837.800.203	49,84	505.449.621	-	25.395.425.754	76,96
Chi phí tài chính	5.390.298.897	4,56	9.385.765.506	7,21	-	-	2.915.729.943	8,84
Chi phí bán hàng	18.807.270.213	15,91	27.259.288.580	20,95	75.962.693	-	6.390.834.194	19,37
Chi phí quản lý DN	22.359.393.845	18,91	23.761.334.338	18,26	90.812.943	-	6.377.428.857	19,33
Tổng cộng chi phí HĐ sản xuất KD	110.626.882.048	93,58	125.244.188.627	96,27	672.225.257	-	41.079.418.748	124,49
Doanh thu thuần	118.214.295.055	100	130.102.334.984	100	-	-	32.997.233.214	100,00

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC kiểm toán từ ngày 01/01/2017 đến 28/12/2017 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng, BCTC kiểm toán từ ngày 29/12/2017 đến ngày 31/12/2017 và BCTC Quý I/2018 của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng)

5.5. Trình độ công nghệ và năng lực sản xuất kinh doanh

So với các công ty hoạt động trong cùng lĩnh vực hiện nay, Công ty thuộc nhóm doanh nghiệp có trình độ công nghệ ở mức trung bình ngành. Phương tiện vận tải của Công ty ngoài một số được sản xuất trước năm 2000, còn lại mới được đầu tư trong vòng 05 năm trở lại đây với nhiều phương tiện chuyên dùng phục vụ trong ngành nước. Để đảm bảo cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh được ổn định, Công ty có tổ sửa chữa chuyên phục vụ việc sửa chữa nhỏ và thay thế phụ tùng cho các hệ thống ống cấp nước khi cần thiết. Máy móc thiết bị của tổ sửa chữa được trang bị tương đối đầy đủ.

5.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với đặc thù loại hình kinh doanh của Công ty là hoạt động trong lĩnh vực cung ứng nước sạch, do đó Công ty chủ yếu tập trung thực hiện việc duy tu, bảo dưỡng hệ thống cấp nước nhằm giảm thiểu hao hụt. Trong thời gian tới, Công ty hoạt động dưới hình thức công ty

cổ phần trong điều kiện thuận lợi, dự kiến phát triển thêm một số dịch vụ về môi trường.

5.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Trong hoạt động kiểm tra chất lượng, Công ty áp dụng các tiêu chuẩn quy định cho từng loại sản phẩm, dịch vụ riêng biệt. Bên cạnh đó, quá trình làm việc được quản lý, giám sát thông qua nhật ký sản xuất, quy định chuyên ngành và bộ tiêu chuẩn ISO 900:2008 cũng như kết quả công việc. Ngoài công tác tự kiểm tra của Công ty, còn có sự phối hợp kiểm tra, giám sát của các phản hồi của khách hàng để tiến hành nghiệm thu xác nhận chất lượng, khối lượng sản phẩm dịch vụ.

5.8. Hoạt động Marketing

Hoạt động Marketing vẫn được Ban lãnh đạo Công ty đặc biệt chú trọng, thường xuyên quảng bá hình ảnh công ty thông qua các kênh công tác xã hội và đoàn thể trong tỉnh cũng như khu vực, tài trợ các hoạt động truyền thông địa phương...

5.9. Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Từ khi thành lập cho đến nay, logo của Công ty được sử dụng thống nhất như sau:



5.10. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết:

Bảng 07: Danh sách các hợp đồng lớn của Công ty

STT	Hợp đồng	Đối tác	Sản phẩm/ Mặt hàng cung cấp	Giá trị HĐ (triệu VND)	Thời gian thực hiện HĐ
1	Hợp đồng số 09.01.1/HĐXL.T HH.18, ngày 09/01/2018	Công ty TNHH Thuận Hòa Hưng	Thi công xây dựng hạng mục Tuyến ống chuyển tải D220 từ Km 2131+645,24 tuyến tránh thành phố Sóc Trăng đến Trạm cấp nước phường 2	679,970	30 ngày, từ 10/01/2018 đến 10/02/2018
2	Hợp đồng số 17.01/HĐXL.TH H.18, ngày 17/01/2018	Công ty TNHH Thuận Hòa Hưng	Thi công xây dựng hạng mục Mở rộng tuyến ống cấp nước đường Cao Thắng (khu vực khán đài đua ghe ngo); Mở rộng tuyến ống cấp nước Kênh cầu xéo – Coluso – tp. Sóc Trăng	386,722	30 ngày, từ 19/01/2018 đến 19/02/2018



STT	Hợp đồng	Đối tác	Sản phẩm/ Mặt hàng cung cấp	Giá trị HĐ (triệu VND)	Thời gian thực hiện HĐ
3	Hợp đồng số 22.02/HĐ-XD.2018, ngày 22/02/2018	Đoàn Tài nguyên nước Sông Hậu	Thi công hạng mục Giếng khoan khai thác MT3 – XNCN Mỹ Tú	818,105	30 ngày, từ 27/02/2018 đến 27/03/2018
4	Hợp đồng số 0201/2018/SY-CNST/HĐKT, ngày 24/01/2018	Công ty Cổ phần Van ShinYi	Van công, trụ cứu hỏa	174,487	
5	1018/HĐKT, ngày 19/01/2018	Công ty TNHH Hóa nhựa Độ Nhất	Ống và phụ kiện uPVC	140,162	
6	19/AHP-CNST/2018, ngày 01/02/2018	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ An Hoàng Phát	Phụ kiện ngành nước	121,303	
7	296/Hawaco.MN-CNST, ngày 26/01/2018	Công ty Cổ phần Hawaco Miền Nam	Đồng hồ nước	446,600	

(Nguồn: Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng)

6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh các năm gần đây

6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh các năm gần đây

Bảng 08: Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty các năm gần đây

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016 (CT TNHH)	Năm 2017		Quý I/2018 (CTCP)
			Giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến 28/12/2017 (CT TNHH)	Giai đoạn từ ngày 28/12/2018 đến 31/12/2018 (CTCP)	
1	Tổng giá trị tài sản	174.413.345.775	406.836.080.098	404.272.762.571	393.538.732.431
2	Vốn chủ sở hữu	61.777.823.958	158.631.330.000	158.000.344.974	150.053.079.740
3	Doanh thu thuần	118.214.295.055	130.102.334.984	-	32.997.233.214
4	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	7.794.016.615	4.964.219.756	(630.985.026)	(7.968.396.164)
5	Lợi nhuận khác	305.186.395	3.889.363.560	-	20.967.940
6	Lợi nhuận trước thuế	8.099.203.010	8.853.583.316	(630.985.026)	(7.947.428.224)



STT	Chỉ tiêu	Năm 2016 (CT TNHH)	Năm 2017		Quý I/2018 (CTCP)
			Giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến 28/12/2017 (CT TNHH)	Giai đoạn từ ngày 28/12/2018 đến 31/12/2018 (CTCP)	
7	Lợi nhuận sau thuế	6.517.115.332	7.082.866.653	(630.985.026)	(7.947.428.224)
8	Giá trị sổ sách (đồng/cổ phiếu) (*)	N/A	N/A	9.960	9.459

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC kiểm toán từ ngày 01/01/2017 đến 28/12/2017 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng, BCTC kiểm toán từ ngày 29/12/2017 đến ngày 31/12/2017 và BCTC Quý I/2018 của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng)

(*) Không tính giá trị sổ sách tại giai đoạn Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH MTV

Kể từ khi hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn diễn ra bình thường, không có nhiều biến động đáng kể. Giai đoạn từ 29/12/2017 đến 31/12/2017, Công ty không có doanh thu nhưng vẫn phát sinh chi phí dẫn đến lợi nhuận sau thuế ghi nhận lỗ 630 triệu đồng. Trong 03 tháng đầu năm 2018, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt gần 33 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ năm 2017, tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế ghi nhận lỗ gần 7,95 tỷ đồng giảm 542,72% so với cùng kỳ năm 2017. Nguyên nhân của việc giảm mạnh lợi nhuận sau thuế là do quá trình chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần, Công ty phải thực hiện đánh giá lại TSCĐ theo quy định. Theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, giá trị TSCĐ đánh giá lại tăng thêm 92,7 tỷ đồng. Do vậy, khi hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty vẫn thực hiện việc trích khấu hao TSCĐ như cũ nhưng giá trị khấu hao trong kỳ tăng lên nhiều so với trước đây. Chi phí khấu hao được Công ty tính vào giá vốn nước nên chi phí giá vốn hàng bán 03 tháng đầu năm 2018 đạt 25,4 tỷ đồng tăng 1,64 lần so với cùng kỳ năm 2017. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng dẫn đến lợi nhuận sau thuế 03 tháng đầu năm 2018 của Công ty giảm mạnh.

Vấn đề cần nhấn mạnh tại Báo cáo cáo tài chính Kiểm toán:

“Ở đây, chúng tôi không phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần như trên, mà chỉ muốn lưu ý người đọc báo cáo này đến vấn đề sau: Như đã nêu tại mục 9.2 của Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty có khoản nợ ngắn hạn phải trả đến ngày 31/12/2017 là 171.463.266.959 VND vượt tài sản ngắn hạn là 52.553.682.212 VND, tương đương nợ ngắn hạn lớn hơn 1,44 lần so với tài sản ngắn hạn là do trong quá trình cổ phần hóa, Công ty có phát sinh khoản phải trả về cổ phần hóa cho Nhà nước và khoản nợ dài hạn đã đến hạn trong năm tiếp theo. Ban Tổng Giám đốc cam kết sẽ cơ cấu lại tài sản, tạo lưu chuyển tiền tệ đủ để đáp ứng khả năng thanh toán đúng hạn và cung cấp nguồn vốn tài trợ khi cần thiết để đảm bảo tỷ lệ thanh khoản và giảm tỷ lệ nợ phải trả ngắn hạn trên tài sản ngắn

hạn. Do đó, khả năng Công ty tiếp tục hoạt động liên tục phụ thuộc vào việc thực hiện các hoạt động kinh doanh có lãi trong tương lai và việc cơ cấu lại tài sản của Công ty. Vì vậy, báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được soạn trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục”.

6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh các năm gần đây

✦ Thuận lợi

- + SOCTRANGWACO nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Sóc Trăng, các Sở, ban, ngành của tỉnh và chính quyền các cấp ở địa phương, đã tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đã được cấp trên giao hàng năm.
- + Đảng ủy, Ban Tổng Giám đốc, các tổ chức đoàn thể quần chúng, cùng tập thể cán bộ công nhân viên, người lao động trong Công ty luôn đoàn kết nhất trí trong công tác lãnh đạo và điều hành sản xuất kinh doanh.
- + Ban lãnh đạo Công ty có kinh nghiệm nhiều năm trong ngành, tâm huyết và có trách nhiệm với công việc. Đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhiều kinh nghiệm, tinh thần đoàn kết và tự giác cao.
- + Đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn kỹ thuật đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong quá trình công tác.
- + Các dự án đầu tư có nguồn vốn lớn được vay từ nguồn vốn ODA và vay nguồn vốn đối ứng từ các tổ chức tín dụng trong nước để đầu tư để giảm áp lực về vốn cho Công ty.

✦ Khó khăn

- Giá bán các sản phẩm, dịch vụ của công ty do UBND tỉnh Sóc Trăng quyết định, trong khi đó các nguyên, nhiên, vật liệu... đầu vào liên tục tăng, nên yếu tố ảnh hưởng tới giá thành tăng sẽ mất nhiều thời gian từ khi cần điều chỉnh giá do các giai đoạn lập, trình các cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt, làm giảm tính linh hoạt trong cơ chế hoạt động, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Một số máy móc, thiết bị đang sử dụng đã được lắp đặt từ nhiều năm trước chưa mang lại hiệu quả cao. Công ty đang có kế hoạch để đầu tư thay thế dần các máy móc thiết bị này, tuy nhiên việc đầu tư đòi hỏi nguồn vốn lớn, trong khi đó nguồn vốn có giới hạn.
- Địa bàn các khu dân cư của tỉnh nằm trên phạm vi rộng lớn, thiếu tập trung, Công ty đang gặp khó khăn về nguồn vốn đầu tư, do vậy để đáp ứng nhu cầu của dân cư cần có sự hỗ trợ vốn từ ngân sách Nhà nước để phát triển.
- Đối với các dự án đầu tư có nguồn vốn vay ODA, thì phát sinh chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, điều này nằm ngoài sự quản lý điều hành của công ty.
- Đa số CB.CNV có nhiều kinh nghiệm nhưng trình độ chưa đồng đều, cán bộ kỹ thuật được đào tạo từ nhiều nguồn khác nhau còn thiếu thực tiễn, trình độ quản lý còn yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu trong công tác quản lý sản xuất kinh doanh.

- Hiện tượng ngập mặn ngày càng trở nên trầm trọng đã ảnh hưởng đến nguồn nước cung cấp của công ty, làm cho chi phí sản xuất tăng cao trong xử lý cũng như tìm kiếm các nguồn nước khác để thay thế.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

7.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty hiện đang quản lý hệ thống cấp nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, là địa bàn hoạt động không có sự cạnh tranh của các công ty cùng ngành và hiện nay là đơn vị cấp tỉnh có dự án sử dụng vốn vay ODA của nước ngoài.

Một số thành tựu đã đạt được góp phần khẳng định vị thế của Công ty như:

- Huân chương Độc lập hạng III (QĐ số 431/KT/CTN ngày 07/3/2013)
- Huân chương Lao động hạng I (QĐ số 1624/QĐ.CTN ngày 30/10/2009);
- Huân chương Lao động hạng II (QĐ số 430/QĐ.CTN ngày 09/7/2003);
- Huân chương Lao động hạng III (QĐ số 298/KT/CTN ngày 24/09/1998);
- Cúp vàng Thương hiệu - Nhãn hiệu năm 2009 do Ban Tổ chức gồm các Bộ ngành Trung ương trao tặng;
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2004-2006 (Quyết định số 1332/QĐ-TTg ngày 03/10/2007);
- Đạt danh hiệu tập thể Lao động xuất sắc và được Ủy ban Nhân dân tỉnh tặng Cờ thi đua xuất sắc 10 năm liên tục 2006-2015;
- Nhiều Bằng khen của UBND tỉnh và các ban ngành, đoàn thể khen tặng;
- Đảng bộ cơ sở đạt danh hiệu tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, tiêu biểu 20 năm liên tục và từ năm 1996-2016, là Đảng bộ tiêu biểu của Đảng bộ Khối doanh nghiệp tỉnh Sóc Trăng;
- Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh đạt danh hiệu vững mạnh nhiều năm liên tục và từ năm 1996-2016 được đoàn thể cấp trên công nhận đạt danh hiệu Vững mạnh xuất sắc;
- Công ty đạt được nhiều Cờ Thi đua xuất sắc của Bộ, ngành, UBND tỉnh, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và nhiều Bằng khen của các Bộ, ngành Trung ương; Hội Cấp thoát nước Việt Nam.

Bên cạnh đó, quá trình tập trung dân cư và đô thị hóa đang diễn ra trên địa bàn tỉnh đã thúc đẩy nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng tăng. Các cấp ủy Đảng và chính quyền luôn quan tâm đến việc mở rộng phạm vi cung cấp nước nhằm phục vụ tốt hơn đời sống nhân dân đã làm cho lĩnh vực hoạt động của Công ty hứa hẹn tiềm năng phát triển trong tương lai..

7.2. Triển vọng phát triển ngành

Nước sạch là một mặt hàng thiết yếu trong đời sống của người dân, có vai trò hết sức quan trọng đối với đời sống và các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, chính vì vậy ngành

cấp nước luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo cũng như ưu đãi, hỗ trợ rất lớn từ Chính Phủ. Khi nền kinh tế càng phát triển thì nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng tăng lên. Hơn nữa, các nguồn nước ngầm, nước bề mặt ngày càng cạn kiệt và trở nên ô nhiễm, khi đó nhu cầu sử dụng nước trong tự nhiên được thay thế bởi các nguồn nước sạch do các công ty cấp nước cung cấp. Bên cạnh đó, quá trình tập trung dân cư và đô thị hóa đang diễn ra trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng đã thúc đẩy nhu cầu sử dụng các sản phẩm dịch vụ liên quan đến nước sạch ngày càng tăng. Các cấp Đảng ủy và chính quyền luôn quan tâm đến việc mở rộng phạm vi cung cấp nước sạch nhằm phục vụ tốt hơn đời sống nhân dân đã làm cho lĩnh vực hoạt động của Công ty hứa hẹn nhiều tiềm năng phát triển trong tương lai.

Hiện nay, tỉnh Sóc Trăng có tỷ lệ dân số khu vực nông thôn sử dụng nước sạch đang được các cấp, ngành của tỉnh, Trung tâm Nước sạch & vệ sinh môi trường nông thôn xác định là nhiệm vụ trọng tâm để nâng cao tỷ lệ hộ dân được tiếp cận với nguồn nước hợp vệ sinh, triển khai đồng bộ và hiệu quả. Bên cạnh đó, đã góp phần nâng tỷ lệ người dân được sử dụng nước hợp vệ sinh; nâng cao chất lượng cuộc sống vùng nông thôn, thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Tỉnh Sóc Trăng đã triển khai xây dựng các trạm cấp nước nông thôn cho các địa phương về cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn của tỉnh trong những năm gần đây, vấn đề nước sạch phục vụ người dân vùng ngoại thành được đặc biệt quan tâm, triển khai mạnh mẽ. Những công trình hoàn thành đưa vào sử dụng đã tạo điều kiện thuận lợi cho sinh hoạt, nâng cao chất lượng đời sống cho người dân nông thôn. Tính đến cuối năm 2017, tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 97,5%, trong đó có 51% người dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt chuẩn.

Nhìn vào tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, có thể thấy được nhu cầu rất lớn về hoạt động khai thác nước sạch trong thời gian tới. Mặc dù đã hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần nhưng Công ty vẫn còn 49% vốn Nhà nước, vì vậy, trong thời gian tới, nếu công ty có thể nắm bắt những cơ hội, mở rộng quy mô và công suất hoạt động thì tiềm năng phát triển là rất lớn.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1. Số lượng lao động trong Công ty

Hiện nay, Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng có cơ cấu lao động như sau:

Bảng 09: Cơ cấu lao động của Công ty hiện nay

TIÊU CHÍ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ
I. Phân theo trình độ lao động	312	100%
- Trên đại học	02	0,64%
- Đại học, cao đẳng	118	37,82%
- Trung cấp, công nhân kỹ thuật	182	58,33%



TIÊU CHÍ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ
- Phổ thông trung học	10	3,21%
II. Phân theo hợp đồng lao động	312	100%
- Dài hạn	310	99,36%
- Ngắn hạn	02	0,64%

(Nguồn: Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng)

8.2. Chế độ làm việc và chính sách lương thưởng, trợ cấp cho người lao động

Bố trí sử dụng lao động: Trong những năm qua, công tác tổ chức cán bộ và bố trí sử dụng lao động của Công ty luôn được quan tâm. Toàn bộ lao động đều được Công ty giao kết hợp đồng lao động, bố trí sử dụng phù hợp và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định của Nhà nước.

Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực dài hạn với nội dung chủ yếu sau:

- **Chính sách tuyển dụng:** Cán bộ công nhân viên được tuyển dụng đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty, đảm bảo hội tụ đủ yêu cầu về trình độ và năng lực công tác, phẩm chất đạo đức, khả năng làm việc theo nhóm, làm việc theo quy trình công việc phù hợp với các chức danh cần tuyển.
- **Chính sách đào tạo:** Tổ chức các chương trình huấn luyện và đào tạo cán bộ công nhân viên có mục tiêu phù hợp với chiến lược phát triển từng thời kỳ và chiến lược phát triển dài hạn của Công ty, trong đó ưu tiên và nhanh chóng đào tạo nâng cao năng lực quản lý tổ chức và thực hiện công tác tại hiện trường. Nội dung đào tạo được tập trung vào các kỹ năng quản trị hiện đại, các kỹ năng chuyên môn, kỹ năng xử lý tình huống; đào tạo nhân viên theo từng cấp độ phù hợp với lộ trình phát triển của nhân viên.
- **Chính sách đãi ngộ:** Đảm bảo công bằng, công khai, chính sách lương, thưởng gắn với hiệu quả sản xuất kinh doanh và chất lượng công việc nhằm tạo động lực để cán bộ công nhân viên sáng tạo trong công việc. Khuyến khích các thành viên làm việc hiệu quả, chất lượng cao. Nâng cao tinh thần trách nhiệm, tạo tinh thần thi đua của mọi người, đảm bảo thu nhập của cán bộ công nhân viên.
- Quan tâm thu hút nguồn nhân lực ngoài Công ty có năng lực, kinh nghiệm và phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty. Áp dụng các chính sách ưu đãi đặc biệt cho từng trường hợp cụ thể.
- Thu nhập Bình quân của người lao động trong các năm:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Thu nhập bình quân (nghìn đồng/người/năm)	107.377	109.390	128.618

9. Chính sách cổ tức



- Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần vào ngày 29/12/2017 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2200107297 do Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 23/12/2009, thay đổi lần thứ 6 ngày 29/12/2017. Trước đó, Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH MTV 100% vốn Nhà nước, vì vậy, Công ty không thực hiện các chính sách chi trả cổ tức như đối với Công ty cổ phần;

- Khi chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các văn bản pháp lý liên quan. Kết thúc niên độ tài chính, HĐQT có trách nhiệm xây dựng Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông. Phương án này được xây dựng trên cơ sở:

+ Lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác; trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty;

+ Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức dự kiến hợp lý;

+ Việc chi trả cổ tức bằng tiền hoặc cổ phiếu trong thời gian tới được căn cứ tình hình thực tế về nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh của Công ty;

+ Để phục vụ nhu cầu mở rộng địa bàn và nâng cao năng lực trong hoạt động sản xuất kinh doanh, dự kiến trong thời gian tới lợi nhuận hàng năm sẽ được Công ty giữ lại để bổ sung vốn. Do vậy, trong 2 năm tiếp theo, Công ty dự kiến không chia cổ tức.

10. Tình hình hoạt động tài chính

10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ tài chính ban hành; và thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất do Bộ Tài chính ban hành.

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (VND), tuân thủ theo các quy định của Luật kế toán và các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành ở Việt Nam.

✚ Trích khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 10 năm
Máy móc và thiết bị	05 – 15 năm



Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 20 năm
Dụng cụ quản lý	05 – 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	05 – 10 năm

✚ Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty hiện nay không có các khoản nợ quá hạn nào, các khoản nợ ngắn hạn và trung hạn đều được Công ty thanh toán đúng hạn.

✚ Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty đã thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân theo quy định của Nhà nước. Số dư các khoản phải nộp Nhà nước tại các thời điểm thể hiện như sau:

Bảng 10: Các khoản phải nộp Nhà nước các năm gần đây

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	28/12/2017	31/12/2017
1	Thuế giá trị gia tăng	-	-	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	350.929.228	369.320.137
3	Thuế thu nhập cá nhân	58.869.866	185.173.949	225.594.900
4	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	366.872.418	275.338.008	275.338.008
5	Thuế tài nguyên	-	540.119.324	540.119.324
	Cộng	425.742.284	1.351.560.509	1.410.372.369

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC kiểm toán từ ngày 01/01/2017 đến 28/12/2017 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng, BCTC kiểm toán từ ngày 29/12/2017 đến ngày 31/12/2017 và BCTC Quý I/2018 của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng)

✚ Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành. Mức trích cho từng quỹ được các thành viên HĐQT thống nhất và ĐHĐCĐ thường niên thông qua.

Bảng 11: Các khoản quỹ theo quy định của Công ty các năm gần đây

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	28/12/2017	31/12/2017
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.014.467.052	3.374.326.126	3.346.538.881



	Cộng	8.014.467.052	3.374.326.126	3.346.538.881
--	-------------	----------------------	----------------------	----------------------

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC kiểm toán từ ngày 01/01/2017 đến 28/12/2017 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng, BCTC kiểm toán từ ngày 29/12/2017 đến ngày 31/12/2017 và BCTC Quý I/2018 của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng)

✚ Tổng dư nợ vay

Số dư các khoản vay của Công ty các năm gần đây như sau:

Bảng 12: Tình hình các khoản nợ vay của Công ty các năm gần đây

Đơn vị tính: Đồng

Khoản mục	31/12/2016 (TNHH MTV)	28/12/2017 (TNHH MTV)	31/12/2017 (CTCP)	31/03/2018 (CTCP)
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18.032.542.967	50.348.073.597	49.144.073.597	34.024.449.111
Trong đó: Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	-	27.406.089.780	27.352.089.780	19.630.447.668
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	67.215.206.885	74.452.678.743	74.452.678.743	74.452.678.743
Tổng cộng	85.247.749.852	124.800.752.340	123.596.752.340	108.477.127.854

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC kiểm toán từ ngày 01/01/2017 đến 28/12/2017 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng, BCTC kiểm toán từ ngày 29/12/2017 đến ngày 31/12/2017 và BCTC Quý I/2018 của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng)

Chi tiết các khoản “Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn” và “Vay và nợ thuê tài chính dài hạn” ở bảng trên được trình bày tại BCTC kiểm toán năm 2016 (trang 24), BCTC kiểm toán từ ngày 01/01/2017 đến 28/12/2017 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng (trang 23, 24, 25); BCTC kiểm toán từ ngày 29/12/2017 đến ngày 31/12/2017 (trang 26, 27, 28) và BCTC Quý I/2018 (trang 13, 14) của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng.

(*): Kể từ năm 2017, Công ty có một số khoản vay dài hạn đến hạn trả đã được kết chuyển từ khoản mục “Vay và nợ thuê tài chính dài hạn” sang khoản mục “Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn”. Chi tiết khoản mục Nợ dài hạn đến hạn trả của Công ty như sau:

Tên đơn vị	31/12/2016	28/12/2017	31/12/2017	31/03/2018
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Sóc Trăng	-	3.356.000.000	3.302.000.000	1.542.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Sóc Trăng	-	13.549.231.263	13.549.231.263	10.784.459.274
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – CN Sóc Trăng	-	2.346.000.000	2.346.000.000	2.346.000.000



Tên đơn vị	31/12/2016	28/12/2017	31/12/2017	31/03/2018
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Sóc Trăng	-	2.700.858.517	2.700.858.517	867.488.394
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	-	5.454.000.000	5.454.000.000	4.090.500.000
Cộng	-	27.406.089.780	27.352.089.780	19.630.447.668

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC kiểm toán từ ngày 01/01/2017 đến 28/12/2017 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng, BCTC kiểm toán từ ngày 29/12/2017 đến ngày 31/12/2017 và BCTC Quý I/2018 của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng)

Tất cả các khoản vay dài hạn đến hạn trả nêu trên đều được đánh giá khả năng trả nợ là 100%.

✦ Tình hình Công nợ hiện nay

Hiện nay, Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng không có các khoản nợ quá hạn.

• Các khoản phải thu

Bảng 13: Tình hình các khoản phải thu của Công ty các năm gần đây

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	28/12/2017	31/12/2017	31/03/2018
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	11.591.649.657	19.339.876.319	18.689.686.108	15.157.772.782
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	8.183.598.512	12.413.248.247	11.782.710.585	9.298.111.817
- Khoản phải thu KH khác	8.183.598.512	12.413.248.247	11.782.710.585	9.298.111.817
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.864.343.698	1.507.572.891	1.509.500.953	358.616.953
3. Phải thu ngắn hạn khác	543.707.447	5.419.055.181	5.489.476.132	5.563.045.574
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-	(62.001.562)	(62.001.562)
II. Khoản phải thu dài hạn	-	-	-	-
1. Phải thu dài hạn khác	-	-	-	-
Tổng cộng	11.591.649.657	19.339.876.319	18.689.686.108	15.157.772.782

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC kiểm toán từ ngày 01/01/2017 đến 28/12/2017 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng, BCTC kiểm toán từ ngày 29/12/2017 đến ngày 31/12/2017 và BCTC Quý I/2018 của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng)

• Các khoản phải trả



Bảng 14: Tình hình các khoản phải trả của Công ty các năm gần đây

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	28/12/2017	31/12/2017	31/03/2018
I. Nợ ngắn hạn	45.022.936.037	173.395.599.460	171.463.266.959	168.660.502.053
1. Phải trả người bán ngắn hạn	10.414.856.076	23.487.464.338	22.614.569.436	35.017.339.172
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	69.225.000	191.620.498	69.225.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	425.742.284	1.351.560.509	1.410.372.369	2.227.268.032
4. Phải trả người lao động	6.153.093.239	5.747.805.049	5.747.505.049	2.137.016.332
5. Phải trả ngắn hạn khác	1.982.234.419	89.017.144.841	89.008.287.129	94.496.148.788
5.1. Kinh phí công đoàn	-	8.857.712	-	-
5.2. Phải trả nhà nước về tiền bán cổ phần (**)	-	79.698.257.765	79.698.257.765	79.698.257.765
5.3. Phải trả nhà nước về khoản viện trợ và vốn bổ sung từ kết quả kinh doanh năm 2016, 2017	-	3.435.417.608	3.435.417.608	3.435.417.608
5.4. Phải trả tiền thu hộ phí thoát nước	1.587.097.094	5.504.488.168	5.504.488.168	612.900.695
5.5. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	395.146.325	370.123.588	370.123.588	36.590.611
5.6. Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, KP công đoàn	-	-	-	405.163.511
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18.032.542.967	50.348.073.597	49.144.073.597	34.024.449.111
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	8.014.467.052	3.374.326.126	3.346.538.881	689.055.618
II. Nợ dài hạn	67.612.576.780	74.809.150.638	74.809.150.638	74.825.150.638
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	67.215.206.885	74.452.678.743	74.452.678.743	74.452.678.743
2. Phải trả dài hạn khác	397.369.895	356.471.895	356.471.895	372.471.895
Tổng cộng	112.635.521.817	248.204.750.098	246.272.417.597	243.485.652.691

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC kiểm toán từ ngày 01/01/2017 đến 28/12/2017 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng, BCTC kiểm toán từ ngày 29/12/2017 đến ngày 31/12/2017 và BCTC Quý I/2018 của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng)

(**): Trong các năm gần đây, Công ty có phát sinh khoản “Phải trả Nhà nước về tiền bán



cổ phần” là do Công ty vừa hoàn tất quá trình cổ phần hóa và chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần vào ngày 29/12/2017. Số tiền thu được từ đợt cổ phần hóa phải nộp lại Ngân sách Nhà nước là 79.698.257.765 đồng. Toàn bộ số tiền này hiện đang nằm tại tài khoản tiền mặt (TK 111 - tài khoản phong tỏa cho quá trình cổ phần hóa) của Công ty và sẵn sàng để chuyển về Ngân sách Nhà nước.

• **Đầu tư tài chính**

Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất 28/12/2017, Công ty có hoạt động đầu tư tài chính như sau:

Bảng 15: Các khoản đầu tư tài chính của Công ty các năm gần đây

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	28/12/2017	31/12/2017	31/03/2018
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn (Góp vốn vào Công ty cổ phần Nước Sóc Trăng)	12.064.000.000	12.064.000.000	12.064.000.000	12.064.000.000
Tổng	12.064.000.000	12.064.000.000	12.064.000.000	12.064.000.000

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC kiểm toán từ ngày 01/01/2017 đến 28/12/2017 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng, BCTC kiểm toán từ ngày 29/12/2017 đến ngày 31/12/2017 và BCTC Quý I/2018 của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng)

10.2. Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2016 (CT TNHH)	Năm 2017	
		Từ 01/01/2017 đến 28/12/2018 (CT TNHH)	Từ 29/12/2017 đến 31/12/2017 (CTCP)
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	0,59	0,70	0,69
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,32	0,63	0,62
Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn			
Tổng nợ/Tổng Tài sản (%)	64,58%	61,01%	60,92%
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu (%)	182,32%	156,47%	155,25%
Chỉ tiêu về Hiệu quả hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (vòng)	4,85	4,56	0,04
Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ (lần)	0,78	0,45	-



Chỉ tiêu về Khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,51%	5,44	-
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	10,66%	6,43%	(0,40%)
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	4,30%	2,44%	(0,16%)
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	6,59%	3,82%	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC kiểm toán từ ngày 01/01/2017 đến 28/12/2017 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng, BCTC kiểm toán từ ngày 29/12/2017 đến ngày 31/12/2017 và BCTC Quý I/2018 của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng)

11. Tình hình tài sản của Công ty

11.1. Hiện trạng sử dụng đất

Trong các năm qua, Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng (trước đây là Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng) đã sử dụng đất đúng mục đích và khai thác một cách có hiệu quả vào hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, việc quản lý đất đã đảm bảo theo đúng các quy định của Luật đất đai cũng như các quy định khác của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Hiện nay, Công ty được giao quản lý và sử dụng 04 lô đất với tổng diện tích là 5.697,3m² phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Thông tin về các lô đất cụ thể như sau:

TT	Tên Khu đất	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Thửa đất, tờ bản đồ	Nguồn gốc sử dụng đất hiện tại	Thời hạn sử dụng	Mục đích sử dụng	Cơ sở pháp lý
1	Nhà máy nước mặt Ngã Năm	Quản lộ Phụng Hiệp, khóm Tân Quới phường 2, thị xã Ngã năm	3.224,6	Thửa 24, 30; Tờ BĐ 97	Nhận chuyển nhượng; Đang làm thủ tục Cấp giấy		Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	- QĐ 852/UBND-KT ngày 20/07/2015 của UBND - HĐ chuyển nhượng QSDĐ
2	Trạm cấp nước Lịch Hội Thượng 2 (mới)	Áp Giồng Giữa, thị trấn Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề	2.385	Thửa 1536; Tờ BĐ 2	1775,5m2 (SKC) thuê đất trả tiền hàng năm; 200m2 (SKC) giao đất có thu tiền sử dụng đất; 409,5m2 (HNK) giao đất không thu tiền sử dụng đất	Đến năm 2065	Đất sản xuất phi nông nghiệp tiếp 1975,5m2 và 409,5m2 đất trồng cây hàng năm khác	- CNQSDĐ: CD 959273 - HĐTĐ 02 ngày 22/02/2016
3	Hồ lãg Bùn Xí nghiệp cấp nước Kế Sách	Áp An Thành, thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách	39,7	Thửa 116; Tờ BĐ 36	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Đến năm 2065	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	- QĐ 1057/QĐ-UBND ngày 04/05/2016 của UBND tỉnh - CNQSDĐ: CĐ



TT	Tên Khu đất	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Thửa đất, tờ bản đồ	Nguồn gốc sử dụng đất hiện tại	Thời hạn sử dụng	Mục đích sử dụng	Cơ sở pháp lý
								490761 - HĐĐ 14 ngày 31/05/2016
4	Hồ lãg bunn Xí nghiệp Cấp nước Kế Sách	Áp An Thành, thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách	48	Thửa 115; Tờ BĐ 36	Nhận chuyển nhượng; Đang thủ tục cấp giấy		Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	- HĐ chuyển nhượng QSDĐ

(Nguồn: Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng)

11.2. Tình hình tài sản đang sử dụng

Bảng 16: Tình hình tài sản đang sử dụng của Công ty hiện nay

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tài sản	Nguyên giá (31/12/2017)	Giá trị còn lại (31/12/2017)	Giá trị còn lại/Nguyên giá (%) (31/12/2017)
I	Tài sản cố định hữu hình	442.355.883.125	251.166.201.779	56,78%
1	Nhà cửa và vật kiến trúc	96.194.987.304	47.783.098.568	49,67%
2	Máy móc thiết bị	68.224.423.988	49.434.895.136	72,46%
3	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	275.556.316.525	152.911.758.361	55,49%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.697.931.047	961.937.620	56,65%
5	Tài sản cố định khác	682.224.261	74.512.094	10,92%
II	Tài sản cố định vô hình	3.803.914.404	3.803.914.404	100,00%
1	Quyền sử dụng đất	3.803.914.404	3.803.914.404	100,00%
	Tổng cộng	446.159.797.529	254.970.116.183	57,15%

(Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn từ ngày 29/12/2017 đến 31/12/2018 của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng)

11.3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Bảng 17: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty các năm gần đây

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	28/12/2017	31/12/2017	31/03/2018
-----	----------	------------	------------	------------	------------



1	Mua sắm tài sản cố định	1.281.940.000	-	-	-
2	Bể 500m3 tại nhà máy nước F8, TP. Sóc Trăng	-	1.334.732.455	1.334.732.455	15.000
3	Tủ điều khiển và hệ thống cấp nước tại NMN Phú Lợi	-	956.159.773	956.159.773	-
4	Hệ thống tuyến ống cấp nước tại các nhà máy	6.542.982.356	-	-	-
5	Khu xử lý, bể lắng, bể lọc, lắp đặt cụm xử lý sắt	5.778.182	-	-	-
6	Hệ thống xử lý RO – Phú Lợi	-	-	-	-
7	Công trình khác	5.397.405.532	2.036.359.736	2.036.359.736	1.479.735.025
	Tổng Cộng	13.228.106.070	4.327.251.964	4.327.251.964	1.479.750.025

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC kiểm toán từ ngày 01/01/2017 đến 28/12/2017 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng, BCTC kiểm toán từ ngày 29/12/2017 đến ngày 31/12/2017 và BCTC Quý I/2018 của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng)

Ghi chú: Chi tiết khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” tại ngày 31/12/2016 được trình bày lại theo Thuyết minh Báo cáo tài chính tại ngày 01/01/2017 trong Báo cáo tài chính kiểm toán từ ngày 01/01/2017 đến 28/12/2017 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng để phù hợp với các khoản mục chi tiết ở các năm tiếp theo.

Bảng 18: Các khoản đầu tư tài chính của Công ty các năm gần đây

Đơn vị tính: Đồng

STT	Danh mục	31/12/2016	28/12/2017	31/12/2017	31/03/2018
I	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
1	Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
II	Đầu tư tài chính dài hạn	12.064.000.000	12.064.000.000	12.064.000.000	12.064.000.000
1	Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-
2	Đầu tư vào công ty kinh doanh, liên kết (Đầu tư vào CTCP Nước Sóc Trăng)	12.064.000.000	12.064.000.000	12.064.000.000	12.064.000.000



3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	-	-
4	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-
	Tổng Cộng	12.064.000.000	12.064.000.000	12.064.000.000	12.064.000.000

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC kiểm toán từ ngày 01/01/2017 đến 28/12/2017 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng, BCTC kiểm toán từ ngày 29/12/2017 đến ngày 31/12/2017 và BCTC Quý I/2018 của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng)

12. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo.

12.1. Kế hoạch tài chính 2 năm tiếp theo

Bảng 19: Kế hoạch tài chính 02 năm tiếp theo của Công ty

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Năm 2017	Năm 2018		Năm 2019	
			Giá trị (triệu đồng)	Tăng trưởng/2017 (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tăng trưởng/2018 (%)
1	Vốn điều lệ	158.631	158.631	-	158.631	-
2	Doanh thu thuần	130.102	132.000	1,46	138.000	4,55
3	Lợi nhuận sau thuế	7.082	8.000	12,96	9.600	20,00
4	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	5,44%	6,06%	-	6,96%	-
5	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	4,29%	5,04%	-	6,05%	-
6	Cổ tức	-	-	-	-	-

(Nguồn: Nghị quyết ĐHCĐ lần đầu số 02/NQ-ĐHCĐ ngày 28/12/2017 Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng)

12.2. Cơ sở để xây dựng kế hoạch

Kế hoạch kinh doanh được xây dựng dựa trên một số các cơ sở và dự báo như sau:

- Công ty là đơn vị có truyền thống, hoạt động uy tín và hàng năm được các cấp chính quyền địa phương tin tưởng giao thực hiện cung cấp các dịch vụ sản phẩm nước sạch trên địa bàn tỉnh và các vùng phụ cận;

- Các dự án của Công ty đang dần đi vào vận hành và hoạt động, mặc dù tạo ra thách thức không nhỏ trong việc đảm bảo hiệu quả kinh doanh nhưng nếu tạo ra sản phẩm tốt, cạnh tranh và phát triển được thị trường sẽ đóng góp tốt vào kết quả kinh doanh của Công ty;

- Các yếu tố sau thời gian dài biến động như: Chi phí xăng dầu, điện nước, tiền lương và các khoản trích theo lương của người lao động... đến nay đã dần đi vào ổn định làm giảm áp lực chi phí của Công ty;

- Chính sách ưu đãi miễn tiền thuế đất theo quy định của Chính phủ đối với ngành sản xuất và cung cấp nước;

Trên cơ sở dự báo, nhận định trước tình hình mới, mục tiêu và nguồn lực mới, và kế thừa các kết quả sản xuất kinh doanh đã đạt được, Công ty đã xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh với sự đồng tính, nhất trí cao của người lao động và Ban lãnh đạo Công ty.

*** Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện:**

Để thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm 2017-2019 đã đề ra. Công ty đã đưa ra các nhóm giải pháp gồm:

- **Giải pháp về tài chính - vốn:** Cơ cấu lại nguồn vốn đầu tư, cân đối đủ nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư, tiến hành thoái vốn tại các đơn vị kinh doanh kém hiệu quả. Sử dụng vốn đúng mục đích. quản lý chặt chẽ tài sản, vật tư tiền vốn; thực hiện tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm nhằm bảo toàn và phát triển vốn. Tích cực tìm kiếm đối tác để triển khai các dự án đầu tư, chuyển đổi mục đích sử dụng đất nhằm phát huy lợi thế thương mại tại các khu đất mà Công ty được giao quản lý sử dụng để tạo nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh.

- **Giải pháp về quản trị:** Tiếp tục rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy và nhân lực theo hướng tinh gọn hiệu quả; Hệ thống hoạt động cơ bản và các mặt trọng yếu tại các đơn vị thành viên và liên kết. Hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ phù hợp. Tiếp tục liên kết với các đối tác chiến lược có thế mạnh và uy tín để cùng phát triển. Tăng cường trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động tại công ty có vốn góp của Công ty để có những biện pháp kịp thời nhằm bảo toàn và phát triển nguồn vốn đã đầu tư.

- **Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực:** Thực hiện thường xuyên công tác đánh giá phân loại cán bộ, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ theo yêu cầu đúng quy định. Rà soát thay đổi nhân sự, thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý phù hợp thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh để nâng cao hiệu quả làm việc. Đổi mới thực sự công tác tuyển dụng, đào tạo và quản lý hiệu quả nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2017-2019 và định hướng đến năm 2020.

13. Chiến lược, định hướng phát triển hoạt động kinh doanh

Định hướng phát triển hoạt động kinh doanh: Hợp tác, liên kết các cổ đông, đối tác có tiềm năng về vốn, kỹ thuật, thị trường, về năng lực quản trị... nhằm tạo ra chuỗi giá trị, nguồn lực tổng hợp để có lợi thế cạnh tranh hơn, hiệu quả kinh doanh hơn.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Kế hoạch kinh doanh của Công ty được xây dựng dựa trên một số các cơ sở và dự báo như sau:

- Công ty là đơn vị có truyền thống, hoạt động uy tín và hàng năm được các cấp chính



quyền địa phương tin tưởng giao thực hiện cung cấp các dịch vụ sản phẩm nước sạch trên địa bàn tỉnh và các vùng phụ cận;

- Các dự án của Công ty đang dần đi vào vận hành và hoạt động, mặc dù tạo ra thách thức không nhỏ trong việc đảm bảo hiệu quả kinh doanh nhưng nếu tạo ra sản phẩm tốt, cạnh tranh và phát triển được thị trường sẽ đóng góp tốt vào kết quả kinh doanh của công ty;

- Các yếu tố sau thời gian dài biến động như: Chi phí xăng dầu, điện nước, tiền lương và các khoản trích theo lương của người lao động... đến nay đã dần đi vào ổn định làm giảm áp lực chi phí của công ty;

- Chính sách ưu đãi miễn tiền thuế đất theo quy định của Chính phủ đối với ngành sản xuất và cung cấp nước;

Trên cơ sở dự báo, nhận định trước tình hình mới, mục tiêu và nguồn lực mới, và kế thừa các kết quả sản xuất kinh doanh đã đạt được, Công ty đã xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh với sự đồng tính, nhất trí cao của người lao động và Ban lãnh đạo Công ty.

Đánh giá Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Quý I so với kế hoạch cả năm:

Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng bắt đầu hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày 29/12/2017. Tại đại hội cổ đông lần thứ nhất, Công ty đã thống nhất thông qua kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2018, trong đó doanh thu thuần dự kiến đạt 132 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 8 tỷ đồng. Thực tế trong 03 tháng đầu năm 2018, tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cũng có nhiều biến động đáng kể. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt gần 33 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ năm 2017 và đạt 25% so với kế hoạch cả năm, lợi nhuận sau thuế ghi nhận lỗ gần 7,95 tỷ đồng giảm 542,72% so với cùng kỳ năm 2017. Nguyên nhân của việc giảm mạnh lợi nhuận sau thuế là do chỉ tiêu giá vốn hàng bán của Công ty tăng cao (tăng 1,64 lần so với năm 2017), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đều tăng cao hơn so với cùng kỳ năm 2017.

Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và kết quả thực tế đạt được trong Quý I/2018, Công ty đánh giá chỉ tiêu doanh thu thuần hoàn toàn có thể đạt được 100% so với kế hoạch năm. Tuy nhiên, với việc trích khấu hao TSCĐ dẫn đến giá vốn hàng bán tăng mạnh, Công ty dự kiến đến hết năm 2018, lợi nhuận sau thuế vẫn ghi nhận lỗ và không thể đạt được kế hoạch đã đề ra.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch

Không có

15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu đăng ký giao dịch

Không có

III. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị

a. Danh sách HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT
2	Đặng Văn Ngộ	Thành viên HĐQT điều hành
3	Nguyễn Quang Mão	Thành viên HĐQT điều hành
4	Trần Anh Hòa	Thành viên HĐQT điều hành
5	Hoàng Văn Công	Thành viên HĐQT độc lập

b. Sơ yếu lý lịch HĐQT

➤ Ông NGUYỄN TRỌNG HIẾU - Chủ tịch HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/12/1973
- Nơi sinh: Thanh Oai, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 11 ngõ 44, Phố Đại La, Hà Nội.
- Số CMND: 011 896 161 Nơi cấp: C.A Tp Hà Nội Cấp ngày: 03/07/2006
- Điện thoại liên hệ: 024 39445999
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - + Phó Chủ tịch kiêm Trưởng ban tài chính Hội cấp thoát nước Việt Nam
 - + Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Hawaco
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1998 - 2001	Tổng Công ty đầu tư nước và môi trường Việt Nam - Bộ xây dựng	Chuyên viên
2001 đến nay	Công ty cổ phần HAWACO	Tổng Giám đốc
2010 đến nay	Hội cấp thoát nước Việt Nam	Phó Chủ tịch kiêm Trưởng ban tài chính



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/2017 đến nay	Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng	Chủ tịch HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong CTCP Cấp nước Sóc Trăng: 6.345.253 cổ phần, chiếm 40% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu cá nhân: Không có
 - + Sở hữu đại diện: 3.172.627 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ (Đại diện Công ty cổ phần HAWACO)
 - + Sở hữu của người có liên quan: 6.345.253 cổ phần, chiếm 40% vốn điều lệ (Tổ chức có liên quan là Công ty cổ phần HAWACO)
- Các khoản nợ đối với CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Thù lao Chủ tịch HĐQT
- Lợi ích liên quan đối với CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Không

➤ **Ông ĐẶNG VĂN NGỌ - Thành viên HĐQT điều hành**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 10/06/1965
- Nơi sinh: Xã Vĩnh Lộc, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 30, đường số 6 KDC 5A, K4, Phường 4, TP.Sóc Trăng
- Số CMND: 365 748 374 Nơi cấp: C.A tỉnh Sóc Trăng Cấp ngày: 03/04/2013
- Điện thoại liên hệ: (0299) 3820 943
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cấp nước
- Chức vụ đang nắm giữ tại CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT - CTCP Nước Sóc Trăng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1988-1993	Nhà máy Xay xát gạo Xuất khẩu Sóc Trăng	Công nhân
1993-1998	Công ty Cấp nước tỉnh Sóc Trăng	Công nhân
1998-2001	Công ty Cấp nước tỉnh Sóc Trăng	Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Kỹ thuật
2001-2004	Công ty Cấp nước tỉnh Sóc Trăng.	Trưởng phòng Kế hoạch -



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
		Kỹ thuật
2004-2010	Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng	Phó Giám đốc
2010-4/2014	Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng	Giám đốc
04/2014-12/2017	Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc
12/2017- đến nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
06//2014 - đến nay	Công ty Cổ phần Nước Sóc Trăng	Chủ tịch HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong CTCP Cấp nước Sóc Trăng: 52.200 cổ phần, chiếm 0,329% vốn điều lệ. Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 7.900 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu đại diện: Không có
 - + Sở hữu của người có liên quan: 47.000 cổ phần, chiếm 0,296% vốn điều lệ. Chi tiết:

TT	Quan hệ	Họ và tên	CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Con	Đặng Như Ý	365792323	07/4/2015	Sóc Trăng	44.300	0,279

- Các khoản nợ đối với CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Thù lao HĐQT
- Lợi ích liên quan đối với CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Không
- **Ông NGUYỄN QUANG MÃI - Thành viên HĐQT điều hành**
 - Giới tính: Nam
 - Ngày sinh: 19/07/1977
 - Nơi sinh: Đồng Gai - Ngọc Vân – Tân Yên - Bắc Giang
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số nhà 9, Ngõ 155/74/20, đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.
 - Số CMND: : 024077000325 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Cấp ngày: 17/4/2018
 - Điện thoại liên hệ: 0299 3820943
 - Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kỹ thuật



- Chức vụ đang nắm giữ tại CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Đông Á, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị Công tác	Chức vụ
2000-2008	Trung tâm tài nguyên nước và môi trường Việt Nam - Viện khoa học Thủy Lợi	Nghiên cứu viên
2008-2009	Công ty xây dựng và chuyển giao công nghệ Thủy Lợi - Viện Khoa học Thủy Lợi	Đội Trưởng
2009 đến nay	Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Đông Á	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2015 đến nay	Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên	Chủ tịch HĐQT
12/2017 đến nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong CTCP Cấp nước Sóc Trăng: 3.172.626 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ
 - + Sở hữu cá nhân: Không có.
 - + Sở hữu đại diện: 3.172.626 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Thù lao HĐQT
- Lợi ích liên quan đối với CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Không

➤ **Ông TRẦN ANH HÒA - Thành viên HĐQT điều hành**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 12/12/1972
- Nơi sinh: xã Bình Đức, huyện Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 101/8 Hùng Vương, Khóm 1, Phường 6, TP. Sóc Trăng
- Số CMND: 365 748 375 Nơi cấp: C.A tỉnh Sóc Trăng Cấp ngày: 31/10/2005



- Điện thoại liên hệ: (0299) 3820 943
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cấp thoát nước, Cử nhân Luật.
- Chức vụ đang nắm giữ tại CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/1994	Công ty Cấp nước Sóc Trăng	Nhân viên tin học
09/1997	Công ty Cấp nước Sóc Trăng	Bí thư Chi đoàn
05/1999	Công ty Cấp nước Sóc Trăng	Được bổ nhiệm Phó trưởng phòng TCHC
03/2000	Công ty Cấp nước Sóc Trăng	Được bầu vào BCH Công đoàn, Phó Chủ tịch Công đoàn cơ sở
04/2001	Công ty Cấp nước Sóc Trăng	Quyền Trưởng phòng TCHC
12/2002	Công ty Cấp nước Sóc Trăng	Trưởng phòng TCHC
12/2007	Công ty Cấp nước Sóc Trăng	Chủ tịch Công đoàn cơ sở
1/2010-4/2014	Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng	Phó Giám đốc
4/2014-12/2017	Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng	Phó Tổng Giám đốc
4/2015 đến nay	Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng nay là CTCP Cấp nước Sóc Trăng	Phó Bí thư Đảng ủy Công ty
12/2017 đến nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong CTCP Cấp nước Sóc Trăng: 3.895.367 cổ phần, chiếm 24,55% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu cá nhân: 77.300 cổ phần, chiếm 0.05% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu đại diện: 3.886.467 cổ phần, chiếm 24,50% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu của người có liên quan: 1.600 cổ phần chiếm 0,01% vốn điều lệ. Chi tiết:

TT	Quan hệ	Họ và tên	CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Vợ	Nguyễn Ngọc Mỹ Hồng	365 759 522	12/01/2006	Sóc Trăng	1.600	0,01

- Các khoản nợ đối với CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Không



- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Thù lao HĐQT
- Lợi ích liên quan đối với CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Không

➤ **Ông HOÀNG VĂN CUÔNG - Thành viên HĐQT độc lập**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 12/02/1959
- Nơi sinh: Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 283 Phú Lợi, phường 2, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.
- Số CMND: 366 331 241 Nơi cấp: C.A tỉnh Sóc Trăng Cấp ngày: 10/11/2017
- Điện thoại liên hệ: (0299) 3820 943
- Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính Kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Bí thư Đảng ủy, Phó Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Về Chính quyền		
12/1980-6/1988	Ủy ban Vật giá tỉnh Hậu Giang	Cán bộ nghiệp vụ
7/1988-3/1992	Sở Tài chính Vật giá tỉnh Hậu Giang	Cán bộ nghiệp vụ
4/1992-9/1993	Sở Tài chính Vật giá tỉnh Sóc Trăng	Phó Trưởng phòng Tài chính ngành vật giá – Xây dựng cơ bản
10/1993-6/1995	Sở Tài chính Vật giá tỉnh Sóc Trăng	Trưởng phòng Vật giá – Tài chính ngành
8/1995-9/1999	Cục Quản lý vốn và tài sản nhà nước tại các doanh nghiệp Sóc Trăng	Phó cục trưởng
10/1999-12/2004	Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng	Trưởng phòng Tài chính Doanh nghiệp
01/2005 đến nay	Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng	Phó Giám đốc
12/2017 đến nay	Thành viên HĐQT	Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng
Về Đảng		
8/2008 đến nay	Sở Tài chính	Bí thư Đảng ủy

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong CTCP Cấp nước Sóc Trăng: 3.886.468 cổ phần, chiếm 24,50% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu cá nhân: Không
 - + Sở hữu đại diện: 3.886.468 cổ phần, chiếm 24,50% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Thù lao HĐQT
- Lợi ích liên quan đối với CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Không

2. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Ban kiểm soát

a. Danh sách ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Vũ Tiến Bộ	Trưởng Ban kiểm soát
2	Ông Đỗ Chí Công	Thành viên BKS
3	Nguyễn Văn Gỡ	Thành viên BKS

b. Sơ yếu lý lịch ban kiểm soát

➤ Ông: Vũ Tiến Bộ – Trưởng ban kiểm soát

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 27/10/1981
- Nơi sinh: Nam Trực, Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: P1802 CT7E. Khu đô thị Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội.
- Số CMND: 36081000213 Nơi cấp: C.A Tp Hà Nội Cấp ngày: 29/8/2014
- Điện thoại liên hệ: 0299 3820943
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính
- Chức vụ đang nắm giữ tại CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Trưởng ban kiểm soát.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
09/2004 - 03/2007	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	Kế toán
12/2008 - 05/2010	XN Xây lắp số - Công ty Cổ phần Kỹ thuật	Kế toán trưởng



	điện Sông Đà	
05/2010 - 11/2010	Công ty TNHH MTV kỹ thuật công nghệ SOMECO - Tổng công ty Sông Đà	Kế toán trưởng
11/2010 - 04/2011	Nhà máy thủy điện Hòa Bình – Tập đoàn điện lực Việt Nam	Kế toán tổng hợp
04/2011 - 04/2014	Công ty cổ phần xây lắp dầu khí Hòa Bình (PVC5)	Kế toán trưởng
04/2014 - 05/2015	Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và phát triển cơ khí (COMA.ENG)	Kế toán trưởng
Từ năm 2015 – đến 12/2017	Công ty cổ phần Tập đoàn Quốc tế Đông Á	Kế toán
Từ 12/2017 đến nay	Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng	Trưởng ban kiểm soát

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong CTCP Cấp nước Sóc Trăng:
0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu cá nhân: Không có
 - + Sở hữu đại diện: Không có
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Thù lao BKS
- Lợi ích liên quan đối với CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Không
- **Ông Đỗ Chí Công - Thành viên Ban kiểm soát**
 - Giới tính: Nam
 - Ngày sinh: 27/07/1983
 - Nơi sinh: Đắk Lắk
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: B19-09 Chung cư The Harmona, Số 33 Trương Công Định, P14, Quận Tân Bình, TP HCM
 - Số CMND: 240682146 Nơi cấp: C.A tỉnh Đắk Lắk Cấp ngày: 26/12/2008
 - Điện thoại liên hệ: 0283 811 6618
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kỹ thuật điện
 - Chức vụ đang nắm giữ tại CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Thành viên Ban kiểm soát



- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty Cổ Phần Hawaco miền Nam.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2008-2011	Công ty Cổ Phần Hawaco	Trưởng phòng Dự án
2012-2014	Công ty Cổ Phần Hawaco, chi nhánh miền Nam	Phó giám đốc
2014 đến nay	Công ty Cổ Phần Hawaco miền Nam	Giám đốc
12/2017 đến nay	Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng	Thành viên BKS

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong CTCP Cấp nước Sóc Trăng: 1.216.613 cổ phần, chiếm 7,67% vốn điều lệ..
 - + *Sở hữu cá nhân: 1.216.613 cổ phần, chiếm 7,67% vốn điều lệ.*
 - + *Sở hữu đại diện: Không có*
 - + *Sở hữu của người có liên quan: Không có*
- Các khoản nợ đối với CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Thù lao BKS
- Lợi ích liên quan đối với CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Không

➤ **Ông Nguyễn Văn Gỡ - Thành viên Ban kiểm soát**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 16/07/1960
- Nơi sinh: xã Thuận Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 23 Nguyễn Văn Trỗi, K1, Phường 1, TP. Sóc Trăng.
- Số CMND: 365 748 373 Nơi cấp: C.A tỉnh Sóc Trăng Cấp ngày: 31/10/2005
- Điện thoại liên hệ: (0299) 3820 943
- Trình độ chuyên môn: Đại học Kế toán Tài chính
- Chức vụ đang nắm giữ tại CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Thành viên Ban kiểm soát.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1979-1988	Công ty Thương nghiệp TX. Sóc Trăng	Kế toán trưởng
1988-1992	Hợp tác xã TX. Sóc Trăng	Kế toán trưởng, Phó Chủ nhiệm



1992-1993	Liên hiệp Hợp tác xã mua bán TX. Sóc Trăng	Kế toán trưởng
1993-1994	Công ty Du lịch tỉnh Sóc Trăng	Nhân viên hướng dẫn du lịch
07/1994-2010	Công ty Cấp nước tỉnh Sóc Trăng	Kế toán trưởng
2010-2017	Công ty TNHH MTV Cấp nước tỉnh Sóc Trăng	Kế toán trưởng
2017 - đến nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng	Thành viên Ban kiểm soát

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong CTCP Cấp nước Sóc Trăng: 3.200 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ:
 - + Sở hữu cá nhân: 800 cổ phần, chiếm 0,005% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu đại diện: Không có
 - + Sở hữu của người có liên quan: 2.400 cổ phần chiếm 0,015% vốn điều lệ, chi tiết:

TT	Quan hệ	Họ và tên	CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Con trai	Nguyễn Minh Triết	365 416 745	09/3/2015	Sóc Trăng	2.400	0,015

- Các khoản nợ đối với CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Thù lao BKS
- Lợi ích liên quan đối với CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Không

3. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Ban điều hành

a. Danh sách Ban điều hành Công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đặng Văn Ngo	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Quang Mãi	Phó Tổng Giám đốc
3	Trần Anh Hòa	Phó Tổng Giám đốc
4	Ong Hải Phước	Phó Tổng Giám đốc

b. Sơ yếu lý lịch của Ban điều hành

Sơ yếu lý lịch của Ông Đặng Văn Ngo, Ông Nguyễn Quang Mãi, Ông Trần Anh Hòa: Được trình bày tại mục Sơ yếu lý lịch của Thành viên hội đồng quản trị

➤ Ông Ong Hải Phước – Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 05/11/1965
- Nơi sinh: TP. Cần Thơ



- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 263/41 Hẻm 263, Phú Lợi, K3, phường 2, TP. Sóc Trăng.
- Số CMND: 365 748 338 Nơi cấp: C.A tỉnh Sóc Trăng Cấp ngày: 31/10/2005
- Điện thoại liên hệ: (0299) 3820 943
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cấp thoát nước
- Chức vụ đang nắm giữ tại CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1982-12/1986	Xí nghiệp Cấp nước thị xã Sóc Trăng	Công nhân vận hành máy
12/1986-09/1992	Xí nghiệp Cấp nước thị xã Sóc Trăng	Tổ phó Tổ vận hành máy
09/1992-1995	Công ty Cấp nước Sóc Trăng	Quản đốc Phân xưởng máy
1995-04/2004	Công ty Cấp nước Sóc Trăng	Trưởng Phòng Sản xuất và phân phối nước sạch
04/2004-2010	Công ty Cấp nước Sóc Trăng	Phó Giám đốc
2010-2017	Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng	Phó Giám đốc
2017 - đến nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng	Phó Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong CTCP Cấp nước Sóc Trăng: 17.800 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu cá nhân: 8.500 cổ phần, chiếm 0,054% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu đại diện: Không có
 - + Sở hữu của người có liên quan: 9.300 cổ phần chiếm 0,059% vốn điều lệ. Chi tiết:

TT	Quan hệ	Họ và tên	CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Con	Ong Hải Nguyên	365 797 212	31/8/2006	Sóc Trăng	2.700	0,017
2	Em	Ong Phát Tài	365 499 364	23/8/2017	Sóc Trăng	6.600	0,042

- Các khoản nợ đối với CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Không
- Lợi ích liên quan đối với CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Không

4. Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Võ Thị Phương Diệu	Kế toán trưởng

➤ **Bà Võ Thị Phương Diệu – Kế toán trưởng:**

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 08/06/1981
- Nơi sinh: TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 101/11 Hùng Vương, Phường 6, TP. Sóc Trăng, Sóc Trăng.
- Số CMND: 365 259 198 Nơi cấp: C.A tỉnh Sóc Trăng Cấp ngày: 26/08/2011
- Điện thoại liên hệ: (0299) 3820 943
- Trình độ chuyên môn: Đại học Kế toán, Cử nhân Luật.
- Chức vụ đang nắm giữ tại CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Trưởng phòng Kế toán – Tài vụ
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2005-12/2009	Công ty Cấp nước Sóc Trăng	Nhân viên kế toán
04/2012-12/2017	Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng	Phó Trưởng phòng Kế toán – Tài vụ, Kiểm soát viên không chuyên trách
12/2017 - đến nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng	Trưởng phòng Kế toán – Tài vụ

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong CTCP Cấp nước Sóc Trăng: 200 cổ phần, chiếm 0,001% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu cá nhân: 200 cổ phần, chiếm 0,001% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu đại diện: Không có
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Không
- Lợi ích liên quan đối với CTCP Cấp nước Sóc Trăng: Không

5. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty

* Mục tiêu phát triển:

Tiếp tục xây dựng và phát triển Công ty theo hướng kinh doanh đa ngành nghề, trong đó tập trung 03 lĩnh vực kinh doanh chính: Cung cấp nước sạch, sản xuất nước uống đóng chai, dịch vụ phụ trợ liên quan,... trong đó sản phẩm dịch vụ nước sạch là ngành kinh doanh nền tảng để phát triển bền vững.

Xây dựng Công ty mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở thực hiện tái cơ cấu, sử dụng hợp lý các nguồn lực; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.

Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.

* Định hướng phát triển:

Hợp tác, liên kết các cổ đông, đối tác có tiềm năng về vốn, kỹ thuật, thị trường, về năng lực quản trị... nhằm tạo ra chuỗi giá trị, nguồn lực tổng hợp để có lợi thế cạnh tranh hơn, hiệu quả kinh doanh hơn.

* Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

Để thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Công ty đã đưa ra các nhóm giải pháp cụ thể như sau:

- **Giải pháp về tài chính - vốn:** Cơ cấu lại nguồn vốn đầu tư, cân đối đủ nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư, tiến hành thoái vốn tại các đơn vị kinh doanh kém hiệu quả. Sử dụng vốn đúng mục đích, quản lý chặt chẽ tài sản, vật tư tiền vốn; thực hiện tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm nhằm bảo toàn và phát triển vốn. Tích cực tìm kiếm đối tác để triển khai các dự án đầu tư, chuyển đổi mục đích sử dụng đất nhằm phát huy lợi thế thương mại tại các khu đất mà Công ty được giao quản lý sử dụng để tạo nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh.

- **Giải pháp về quản trị:** Tiếp tục rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy và nhân lực theo hướng tinh gọn hiệu quả; Hệ thống hoạt động cơ bản và các mặt trọng yếu tại các đơn vị thành viên và liên kết. Hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ phù hợp. Tiếp tục liên kết với các đối tác chiến lược có thể mạnh và uy tín để cùng phát triển. Tăng cường trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động tại công ty có vốn góp của Công ty để có những biện pháp kịp thời nhằm bảo toàn và phát triển nguồn vốn đã đầu tư.

- **Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực:** Thực hiện thường xuyên công tác đánh giá phân loại cán bộ, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ theo yêu cầu đúng quy định. Rà soát thay đổi nhân sự, thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý phù hợp thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh để nâng cao hiệu quả làm việc. Đổi mới thực sự công tác tuyển dụng, đào tạo và quản lý hiệu quả nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2018-2019 và định hướng đến năm 2020.

- Tuân thủ các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán:

Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận trở thành Công ty đại chúng và dự kiến sẽ đăng ký giao dịch chứng khoán trên sàn UpCOM. Do vậy, trong thời gian tới, Ban lãnh đạo Công ty sẽ xây dựng quy chế nội bộ, hoàn thiện quy trình quản trị công ty đại chúng theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 về việc hướng dẫn quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng. Đồng thời, Công ty cam kết tuân thủ chặt chẽ các quy định về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán.

IV. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

1. Giấy chứng nhận ĐKKD Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng
2. BCTC kiểm toán năm 2016; BCTC kiểm toán giai đoạn từ 01/01/2017 đến 28/12/2017 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng; BCTC kiểm toán giai đoạn 29/12/2017 đến 31/12/2017; BCTC Quý I/2018 của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng.



Sóc Trăng, ngày 29 tháng 6 năm 2018

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG**

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Văn Ngo

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Hiếu

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Vũ Tiến Bộ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Võ Thị Phương Diệu

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỔ WALL**

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đăng Trường